

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**



**KHÓA LUẬN
TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

**KẾ TOÁN NỢ PHẢI THU TẠI CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
VIET AIR CONSOL**

Ngành: Kế toán

Mã số: 7 34 03 01

VÕ THỊ CẨM TÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



**KHÓA LUẬN
TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

**KẾ TOÁN NỢ PHẢI THU TẠI CÔNG TY TRÁCH
NHIỆM HỮU HẠN VIET AIR CONSOL**

Ngành: Kế

toán Mã số: 7

34 03 01

Họ và tên sinh viên: VÕ THỊ CẨM TÚ

Mã số sinh viên: 030135190690

Lớp: HQ07-GE08

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA

HỌC: TS. NGUYỄN QUỲNH HOA

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TÓM TẮT

Đối với bất kì doanh nghiệp nào hoạt động trong bất kì lĩnh vực nào thì việc phát sinh các khoản phải thu là tất yếu đối với bất kì doanh nghiệp và đây luôn là khoản mục mà doanh nghiệp để tâm đến nhất. Việc quản lý tốt công nợ phải thu góp phần đảm bảo sự thành công và ổn định của doanh nghiệp. Bởi lí do đó mà kế toán công nợ phải thu luôn có vai trò đặc biệt trong việc quản lý và kiểm soát tình hình công nợ, góp phần đảm bảo tính chính xác và minh bạch của Báo cáo tài chính. Nhận thấy điều đó, tác giả quyết định thực hiện nghiên cứu sâu về công nợ phải thu với đề tài "Kế toán nợ phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol".

Với phần mở đầu, tác giả sẽ giới thiệu về đề tài nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu cũng như các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài luận.

Chương 1, tác giả trình bày các nội dung về mặt lý thuyết của công nợ phải thu tại doanh nghiệp dựa trên các Thông tư của Bộ Tài chính. Các cơ sở lý luận giúp hiểu rõ về các khía cạnh lý thuyết và quy định kế toán liên quan đến công nợ phải thu, từ đó đưa ra các phương án và quyết định thỏa đáng với tình huống cụ thể trong thực tế.

Với chương 2, tác giả bắt đầu với việc giới thiệu chung về Công ty, cơ cấu bộ máy quản lý và bộ máy kế toán cũng như chính sách kế toán, chế độ kế toán mà Công ty đang áp dụng. Và để có cái nhìn chi tiết, sâu hơn và thực tế thì tác giả bắt đầu nghiên cứu, phân tích tình trạng kế toán công nợ tại Công ty TNHH Viet Air Consol. Dựa vào các nghiên cứu, thực trạng nêu trên tác giả sẽ chỉ ra ưu điểm và khuyết điểm còn tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty.

Cuối cùng nội dung được trình bày ở chương 3 là các giải pháp để góp phần hoàn thiện công tác kế toán nợ phải thu. Các giải pháp này nhằm giúp khắc phục các hạn chế trong công tác kế toán được đúc kết ở cuối chương 2. Từ đó, giúp công tác quản lý công nợ trở nên hiệu suất hơn và đảm bảo tính chính xác, minh bạch trong Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Viet Air Consol.

ABSTRACT

For any business operating in any field, the arising of receivables is inevitable for any business and this is always the item that the business pays the most attention to. Good management of receivables contributes to ensuring the success and stability of the business. For that reason, accounting for receivables always plays a special role in managing and controlling the debt situation, contributing to ensuring the accuracy and transparency of financial statements. Realizing that, the author decided to conduct an in-depth study on receivables with the topic "Accounting for receivables at Viet Air Consol Co., Ltd".

With the introduction, the author will introduce the research topic, research objectives as well as the research methods used in the essay.

Chapter 1, the author presents the theoretical contents of the receivables at enterprises based on the Circulars of the Ministry of Finance. Theoretical bases help to understand the theoretical aspects and accounting regulations related to receivables, thereby making appropriate plans and decisions for specific situations in reality.

With chapter 2, the author begins with a general introduction about the Company, the structure of the management and accounting apparatus as well as the accounting policies and accounting regime that the Company is applying. And to have a more detailed, in-depth and practical view, the author started to research and analyze the state of debt accounting at Viet Air Consol Co., Ltd. Based on the research, the above situation, the author will point out the advantages and disadvantages that still exist in the accounting work at the Company.

Finally, the content presented in chapter 3 is the solutions to contribute to perfecting the work of accounting for receivables. These solutions are intended to help overcome the limitations in accounting work summarized at the end of Chapter 2. Thereby, helping debt management become more efficient and ensuring accuracy and transparency in the Report. financial statements of Viet Air Consol Co., Ltd.



LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên: Võ Thị Cẩm Tú

Mã số sinh viên: 030135190690

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tôi xin cam đoan khóa luận “***Kế toán nợ phải thu tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Viet Air Consol***” là công trình nghiên cứu do tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn của TS. Nguyễn Quỳnh Hoa.

Kết quả nghiên cứu là trung thực, trong đó không có các nội dung nào đã được công bố trước đây hoặc các nội dung do người khác thực hiện ngoại trừ các trích dẫn được dẫn nguồn đầy đủ trong báo cáo.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 09 năm

Tác giả

Võ Thị Cẩm Tú



LỜI CẢM ƠN

Đầu tiên, em muốn gửi lời đến cô Nguyễn Quỳnh Hoa, cô đã hỗ trợ em tìm được định hướng trong việc lựa chọn đề tài và phát triển đề tài. Tuy thời gian không nhiều nhưng dưới sự chỉ dẫn tận tình của cô đã giúp em hoàn thành bài luận.

Em xin chân thành cảm ơn quý thầy, cô trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh đã tận tâm giảng dạy cho em những các kiến thức bổ ích và các kỹ năng thiết yếu trong thời gian qua.

Lời cuối, em kính chúc các thầy cô dồi dào sức khỏe và có thêm những thành tựu mới trong sự nghiệp cao quý. Em kính chúc các anh, chị trong Công ty Trách nhiệm hữu hạn Viet Air Consol sức khỏe dồi dào và thành công trong công việc. Chúc Quý Công ty ngày càng phát triển.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 09 năm

Tác giả

Võ Thị Cẩm Tú



MỤC LỤC

TÓM TẮT.....	i
ABSTRACT.....	ii
LỜI CAM ĐOAN.....	iii
LỜI CẢM ƠN.....	iv
MỤC LỤC.....	v
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	viii
DANH MỤC BẢNG.....	x
DANH MỤC HÌNH ẢNH.....	xi
DANH MỤC SƠ ĐỒ.....	xii
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu của đề tài.....	2
2.1. Mục tiêu tổng quát.....	2
2.2. Mục tiêu cụ thể.....	2
3. Câu hỏi nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4.1. Đối tượng nghiên cứu.....	2
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Nội dung nghiên cứu.....	3
7. Đóng góp của đề tài.....	4
8. Tổng quan nghiên cứu trước.....	4
8.1. Nghiên cứu nước ngoài.....	4



8.2. Nghiên cứu trong nước.....	4
9. Bố cục của khóa luận.....	6
CHƯƠNG 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NỢ PHẢI THU.....	7
1.1 Cơ sở lý luận về nợ phải thu.....	7
1.1.1. Khái niệm.....	7
1.1.2. Phân loại các khoản phải thu.....	8
1.2 Kế toán nợ phải thu.....	8
1.2.1. Kế toán khoản nợ phải thu của khách hàng.....	8
1.2.2. Kế toán thuế GTGT được khấu trừ.....	13
1.2.3. Kế toán các khoản nợ phải thu khác.....	17
1.2.4. Kế toán các khoản dự phòng phải thu khó đòi.....	20
1.2.5. Trình bày thông tin trên BCTC.....	24
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	26
CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU TẠI CÔNG TY TNHH VIET AIR CONSOL.....	27
2.1 Tìm hiểu chung về Công ty TNHH Viet Air Consol.....	27
2.1.1. Giới thiệu sơ lược về công ty ITL.....	27
2.1.2. Giới thiệu về Công ty TNHH Viet Air Consol.....	27
2.1.3. Lịch sử hình thành và phát triển.....	28
2.1.4. Ngành nghề, lĩnh vực hoạt động.....	28
2.1.5. Chức năng và nhiệm vụ của công ty.....	28
2.1.6. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	29
2.1.7. Tổ chức bộ máy kế toán trong công ty.....	30
2.1.8. Phần mềm kế toán đang áp dụng.....	32



2.2 Thực trạng kế toán các khoản nợ phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol.....	34
2.2.1. Kế toán các khoản nợ phải thu khách hàng.....	34
2.2.2. Kế toán thuế GTGT được khấu trừ.....	41
2.2.3. Kế toán các khoản nợ phải thu khác.....	44
2.2.4. Kế toán các khoản dự phòng phải thu khó đòi.....	49
2.2.5. Trình bày thông tin trên Báo cáo tài chính.....	50
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	52
CHƯƠNG 3 : GIẢI PHÁP GIÚP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NỢ PHẢI THU TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIET AIR CONSOL.....	53
3.1 Đánh giá về công tác kế toán nợ phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol.....	53
3.1.1. Ưu điểm trong công tác kế toán nợ phải thu:.....	53
3.1.2. Hạn chế trong công tác kế toán nợ phải thu:.....	54
3.2 Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nợ phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol.....	56
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	59
KẾT LUẬN.....	60
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC.....	



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nguyên nghĩa
BCĐKT	Bảng cân đối kế toán
BCTC	Báo cáo tài chính
BTC	Bộ Tài Chính
CTCP	Công ty Cổ phần
DPPTKĐ	Dự phòng phải thu khó đòi
GTGT	Giá trị gia tăng
ITL	Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần
KH	Khách hàng
NHTM	Ngân hàng thương mại
NPTKĐ	Nợ phải thu khó đòi
PTKH	Phải thu khách hàng
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TK	Tài khoản
TMCP	Thương mại Cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định



TT	Thông tư
VAC	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Viet Air Consol
XDCB	Xây dựng cơ bản



DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1 Kết cấu TK 131 – Phải thu khách hàng	10
Bảng 1.2 Kết cấu TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ	14
Bảng 1.3 Kết cấu Tài khoản 138 – Phải thu khác	18
Bảng 1.4 Tỷ lệ lập dự phòng	21
Bảng 1.5 Tài khoản 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi	22



DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1 Logo Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	27
Hình 2.2 Logo Công ty TNHH Viet Air Consol	27
Hình 2.3 Giao diện phần mềm kế toán Bravo	32
Hình 2.4 Sơ đồ cơ cấu bộ máy kế toán tại VAC	33
Hình 2.5 Bảng cân đối kế toán của VAC	51
Hình 3.1 Sổ chi tiết công nợ PTKH tại VAC	55
Hình 3.2 Sổ chi tiết công nợ phải thu đề xuất	57



DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Sơ đồ hạch toán TK 131 - Phải thu khách hàng	11
Sơ đồ 1.2 Sơ đồ hạch toán TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ	15
Sơ đồ 1.3 Sơ đồ hạch toán TK 138 – Phải thu khác	19
Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán TK 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi	23
Sơ đồ 2.1 Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty TNHH Viet Air Consol	29
Sơ đồ 2.2 Sơ đồ bộ máy kế toán tại VAC	30

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cùng với sự phát triển vượt bậc của nền Công nghiệp 4.0 thì nền kinh tế thế giới cũng đang dần có bước tiến rõ rệt. Để bắt kịp tốc độ phát triển của nền kinh tế thế giới hay cụ thể hơn là nền kinh tế Việt Nam thì các lĩnh vực đang từng bước chuyển đổi sang công nghệ phù hợp. Đồng thời, Việt Nam cũng đang mở rộng thị trường xuất - nhập khẩu, đó là lý do ngành logistics phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp đang phải đối mặt với nhiều thách thức và nếu muốn tồn tại thì phải không ngừng đổi mới, đồng thời phải phát huy lợi thế của mình trong lĩnh vực mình hoạt động. Dưới tác động của đại dịch Covid -19, ngành logistics đã gặp không ít trở ngại như làm gián đoạn chuỗi cung ứng, tăng chi phí vận chuyển, trực tiếp dẫn đến các cản trở nghiêm trọng.

Tình hình kinh doanh của doanh nghiệp được phản ánh thông qua kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên BCTC. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu liên quan đến phải thu, phải trả cũng phản ánh rõ nét về tình hình doanh nghiệp một cách chân thật, rõ nét nhất. Đối với kế toán của các doanh nghiệp Logistics phải đối mặt với các vấn đề phát sinh liên quan đến ngoại tệ, các nghiệp vụ thuế xuất - nhập khẩu hay các khoản thu - chi hộ. Do đặc thù của ngành nên kế toán cho lĩnh vực này thường phải mất nhiều thời gian hơn cũng như chịu rủi ro cao hơn khi có sai sót trong nghiệp vụ. Kế toán luôn phải theo dõi chi tiết giá thành dịch vụ của từng lô hàng, hợp đồng.

Trong thời buổi kinh tế khó khăn, việc các khoản nợ phải thu bị trả chậm đáng lưu ý nhất là phải thu đến từ khách hàng, dẫn đến việc khách hàng chiếm dụng vốn và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của đơn vị. Từ đó, nhận thấy cần nghiên cứu để đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nợ phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol trong thời gian tới.

Để có cơ hội tìm hiểu và nghiên cứu sâu hơn về kế toán nợ phải thu trong thực tế, đi cùng với sự phát triển không ngừng của lĩnh vực Logistics nên tác giả đã lựa chọn một doanh nghiệp Logistics, cụ thể là Công ty TNHH Viet Air Consol để tiến hành nghiên cứu và thực hiện khóa luận với đề tài “Công tác kế toán công nợ phải thu tại Công Ty TNHH Viet Air Consol”.

2. Mục tiêu của đề tài

2.1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu tổng quát mà tác giả đặt ra đó là tìm hiểu và phân tích tình trạng kế toán nợ phải thu tại Công Ty TNHH Viet Air Consol. Dựa vào kết quả nghiên cứu đưa ra giải pháp giúp hoàn thiện kế toán nợ phải thu tại đơn vị.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Phân tích thực trạng công tác kế toán nợ phải thu tại VAC.
- Phân tích ưu điểm và nhược điểm trong công tác kế toán nợ phải thu VAC.
- Đưa ra giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán nợ phải thu tại VAC.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Nhằm đạt được mục đích của đề tài, một số câu hỏi được đặt ra như sau:

Câu hỏi 1: Tại Công ty TNHH Viet Air Consol, công tác kế toán nợ phải thu diễn ra như thế nào?

Câu hỏi 2: Công tác kế toán nợ phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol có ưu và nhược điểm gì?

Câu hỏi 3: Có giải pháp nào có thể hoàn thiện công tác kế toán nợ phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol không?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Kế toán công nợ phải thu

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Không gian nghiên cứu: Công Ty TNHH Viet Air Consol.

Thời gian nghiên cứu: Bài nghiên cứu được thực hiện dựa trên dữ liệu kế toán của năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp quan sát và trao đổi: Dựa vào quá trình trải nghiệm của chính bản thân tại doanh nghiệp cũng như việc quan sát tổ chức của phòng Kế toán. Ngoài ra, kết hợp với việc trao đổi với các anh chị nhân viên kế toán tại phòng ban để hiểu hơn về kế toán công nợ phải thu.

Phương pháp nghiên cứu: Dựa vào các thông tin được quy định chi tiết về kế toán nợ phải thu được quy định từ các luật định, sách báo, các bài nghiên cứu trước.

Phương pháp thống kê, mô tả: Dựa trên kết quả thu thập được từ nội quy, quy định của công ty và mô tả lại bộ máy, cách thức vận hành trong công tác kế toán nợ phải thu tại công ty.

Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Chọn số liệu từ phần mềm kế toán áp dụng tại công ty cùng với chứng từ của các khoản nợ phải thu, từ đó xử lý phần số liệu cho phù hợp với mục đích nghiên cứu.

Phương pháp phân tích – tổng hợp: Phương pháp này dùng để tổng hợp những các dữ liệu thu thập được, từ đó tiến hành phân tích và rút ra ưu, nhược điểm của công tác kế toán các khoản nợ phải thu.

6. Nội dung nghiên cứu

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán nợ phải thu

Chương 2: Phân tích thực trạng công tác kế toán nợ phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol

Chương 3: Giải pháp giúp hoàn thiện công tác kế toán nợ phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol

7. Đóng góp của đề tài

Ý nghĩa thực tiễn: Đề tài đưa ra giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán nợ phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol. Kết quả của đề tài nghiên cứu có thể được dùng làm tư liệu tham khảo cho Công ty TNHH Viet Air Consol trong công tác kế toán nợ phải thu của mình.

8. Tổng quan nghiên cứu trước

8.1. Nghiên cứu nước ngoài

Han-Hsing Yu (2020) với bài luận CW Company accounts receivable management status quo and optimization research đã cho thấy thực trạng trong việc kiểm soát các khoản phải thu của Công ty CW. Qua nghiên cứu cho thấy rõ việc kiểm soát các khoản phải thu còn hạn chế đã dẫn đến những khó khăn, thử thách đáng kể cho doanh nghiệp.

Tác giả Francis Munene (2018) đã nghiên cứu về vấn đề "Accounts receivable management and financial performance of Embu Water and sanitation Company limited, Embu county, Kenya", thông qua bài viết cho thấy tầm quan trọng trong việc quản lý các khoản phải thu tác động đến tình hình tài chính của công ty. Từ đó đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như cải thiện tình hình tài chính.

8.2. Nghiên cứu trong nước

Dương Thị Thùy Ngân (2016) với đề tài "Thực trạng công tác kế toán các khoản nợ phải thu và nợ phải trả tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ An Bình" đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phương pháp thu thập, phỏng vấn, nghiên cứu đã đưa ra nhận xét, đánh giá về kế toán phải thu và phải trả của đơn vị. Từ đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị về chính sách nhằm xây dựng và nâng cao hình ảnh công ty, các biện pháp thu hút vốn. Tuy nhiên, bài viết còn mang tính tổng quát về kế toán công nợ chưa đi sâu vào khai thác các mục chính trong kế toán công nợ nên chưa đưa ra giải pháp cụ thể và thích hợp.

Khóa luận với đề tài "Thực trạng kế toán công nợ và phân tích khả năng thanh toán tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ tổng hợp Tiến Minh" của

Nguyễn Thị Lan Hương (2018) đã cho thấy thực trạng về kế toán công nợ tại công ty vào giai đoạn 2015 – 2017. Với phương pháp nghiên cứu định tính, tác giả đã thu thập số liệu thực tế tại doanh nghiệp để ghi nhận những biến đổi trong các chỉ số tài chính. Dựa trên phân tích số liệu và đánh giá cá nhân, tác giả đã đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán công nợ phải thu tại đơn vị.

Khóa luận Kế toán công nợ và phân tích tình hình công nợ tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng số 1 Thừa Thiên Huế của Trương Thị Thanh Thảo (2018), tác giả muốn cho ta thấy bức tranh tổng thể về kế toán công nợ cũng như thực trạng về công nợ tại công ty trong giai đoạn 2015 – 2017. Đồng thời tác giả còn dựa vào các chỉ tiêu tài chính để phân tích, đánh giá về tình hình công nợ và khả năng thanh toán của đơn vị. Tác giả đã đưa ra một số đánh giá và các đề xuất góp phần hoàn thiện công tác kế toán công nợ tại công ty. Trong bài luận này, tác giả đã nêu cụ thể ưu – nhược của từng khoản mục và trong công tác kế toán. Từ đó đưa ra các biện pháp cụ thể và thích hợp hơn.

Hồ Lê Trung Hiếu (2021) với khóa luận "Kế toán các khoản thu tại Công ty TNHH Welhunt Việt Nam: Thực trạng và giải pháp" giống với bài luận của Trương Thị Thanh Thảo nêu trên cũng nêu lên thực trạng về kế toán công nợ và đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị. Tuy nhiên, điểm mới ở bài luận ở đây là việc ứng dụng tin học vào trong công tác kế toán cụ thể là Microsoft SharePoint - Nền tảng quản lý tài liệu và cộng tác dựa trên web kết hợp với phần mềm thông qua hệ thống Workflow ERP GP, điều này đã giúp công tác kế toán trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn.

Phan Thị Minh Anh (2022) Công tác kế toán công nợ phải thu tại Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần cũng có nội dung giống như bài luận của Hồ Lê Trung Hiếu và Trương Thị Thanh Thảo. Tuy nhiên, nghiên cứu này lại là sự kết hợp giữa hệ thống eFMS (phần mềm chuyên ngành) với phần mềm kế toán ERP -Bravo 7 (ERP -VN) cho thấy sự phát triển của khoa học kỹ thuật vào trong công tác kế toán.

9. Bố cục của khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục bảng, hình ảnh và tài liệu tham khảo đề tài có cấu trúc gồm 3 chương có nội dung như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán phải thu

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nợ phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nợ phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol.

CHƯƠNG 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NỢ PHẢI THU

1.1 Cơ sở lý luận về nợ phải thu

1.1.1. Khái niệm

Các khoản phải thu là các khoản nợ mà doanh nghiệp cần phải thu hồi, từ các nghiệp vụ phát sinh chưa được thanh toán bởi các khách hàng, đối tác hoặc các bên liên quan khác. Trong BCTC, các khoản phải thu được ghi nhận dưới dạng tài sản.

Khoản mục phải thu là khoản mục trọng yếu của doanh nghiệp, do đó việc quản lý và kiểm soát khoản mục này luôn được doanh nghiệp chú trọng. Nó tạo ra tác động rõ nét đến tình hình tài chính, lợi nhuận hay khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Nợ phải thu xác định quyền lợi của doanh nghiệp về một khoản tiền, hàng hóa, dịch vụ,... mà doanh nghiệp sẽ thu về trong tương lai. Nợ phải thu là một tài sản của doanh nghiệp đang bị các đơn vị, tổ chức kinh tế, cá nhân khác sử dụng, chiếm dụng mà doanh nghiệp có trách nhiệm phải thu hồi.

Kế toán nợ phải thu bao gồm nhiều tài khoản khác nhau. Tuy nhiên, bài luận sẽ chỉ trình bày vào các khoản mục Phải thu khách hàng, Phải thu khác, Thuế GTGT được khấu trừ và Dự phòng phải thu khó đòi. Bởi vì, đây là các khoản mục có tác động mạnh mẽ và rõ nét nhất đối với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo điểm a khoản 2 Điều 17 của Thông tư 200/2014/TT - BTC, "Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán" hay nói cách khác đây là các khoản mà doanh nghiệp phải thu khi cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ theo hợp đồng mua – bán, hợp đồng dịch vụ hoặc theo các giao dịch thương mại khác cho khách hàng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ chính là số thuế GTGT đầu vào khi doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ dùng cho SXKD hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thỏa mãn điều kiện quy định. Thực chất, đây là khoản nợ phải thu của doanh nghiệp từ cơ quan thuế.

"Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 17 Thông tư 200/2014/TT - BTC.

Đối với khoản Dự phòng phải thu khó đòi được nêu trong Thông tư 200/2014/TT - BTC tại điểm b khoản 1 Điều 45 "Dự phòng phải thu khó đòi: Là khoản dự phòng phần giá trị các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi."

1.1.2. Phân loại các khoản phải thu

Theo quy định của Thông tư 200/2014/TT - BTC tại điều 17 thì "Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kì hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp". Điều này, giúp đơn vị quản lý, kiểm soát và theo dõi một cách cụ thể, rõ ràng và chính xác nhất. Đồng thời, trong quá trình phải thu sẽ giúp doanh nghiệp nhận thấy khuyết điểm trong công tác phải thu và đưa ra các biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu nguy cơ cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, khi lập BCTC kế toán sẽ dựa vào phân loại để xác định dự phòng phải thu khó đòi theo tính chất thời gian (ngắn hạn hoặc dài hạn) và sẽ tiến hành trích lập theo đúng quy định.

1.2 Kế toán nợ phải thu

1.2.1. Kế toán khoản nợ phải thu của khách hàng

1.2.1.1 Nội dung về khoản nợ phải thu khách hàng

Với khoản mục "Phải thu khách hàng cần được hạch toán cần hạch toán chi tiết theo từng khách hàng và theo từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi và theo từng lần thanh toán" theo điểm b khoản 1 Thông tư 200/2014/TT-BTC. Ngoài ra, có thể sử dụng thanh toán bù trừ đối với trường hợp khách hàng

đồng thời là chủ nợ và là con nợ khi có thỏa thuận văn bản. Tuy nhiên, khi lập BCTC thì không thể bù trừ được (Phải tách riêng).

Tài khoản Phải thu của khách hàng (131) là tài khoản lưỡng tính. Khi doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ mà khách vẫn chưa thanh toán thì TK131 sẽ phản ánh số tiền mà doanh nghiệp cần phải thu từ khách hàng. Do đó, TK 131 sẽ được ghi nhận bên mục Tài sản, ở chỉ tiêu "Phải thu khách hàng". Còn khi người mua trả tiền trước và chưa nhận hàng thì người bán bắt buộc phải có phải trả một lượng hàng hóa, dịch vụ tương ứng trong tương lai. Như vậy, TK 131 lúc này sẽ được ghi nhận bên Nguồn vốn, ở chỉ tiêu "Người mua trả tiền trước". Đây là TK trọng yếu, thường phát sinh và có khả năng gặp nhiều rủi ro của doanh nghiệp.

Nguyên tắc quy đổi các giao dịch có gốc ngoại tệ sang VND:

- + Bên Nợ TK 131: theo tỷ giá mua của NHTM nơi chỉ định giao dịch của khách hàng.

- + Bên Có TK 131: theo tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền hoặc theo tỷ giá giao dịch thực tế.

Tại thời điểm lập BCTC, tỷ giá dùng để đánh giá lại các khoản PTKH có gốc ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của NHTM.

1.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

Chứng từ sử dụng

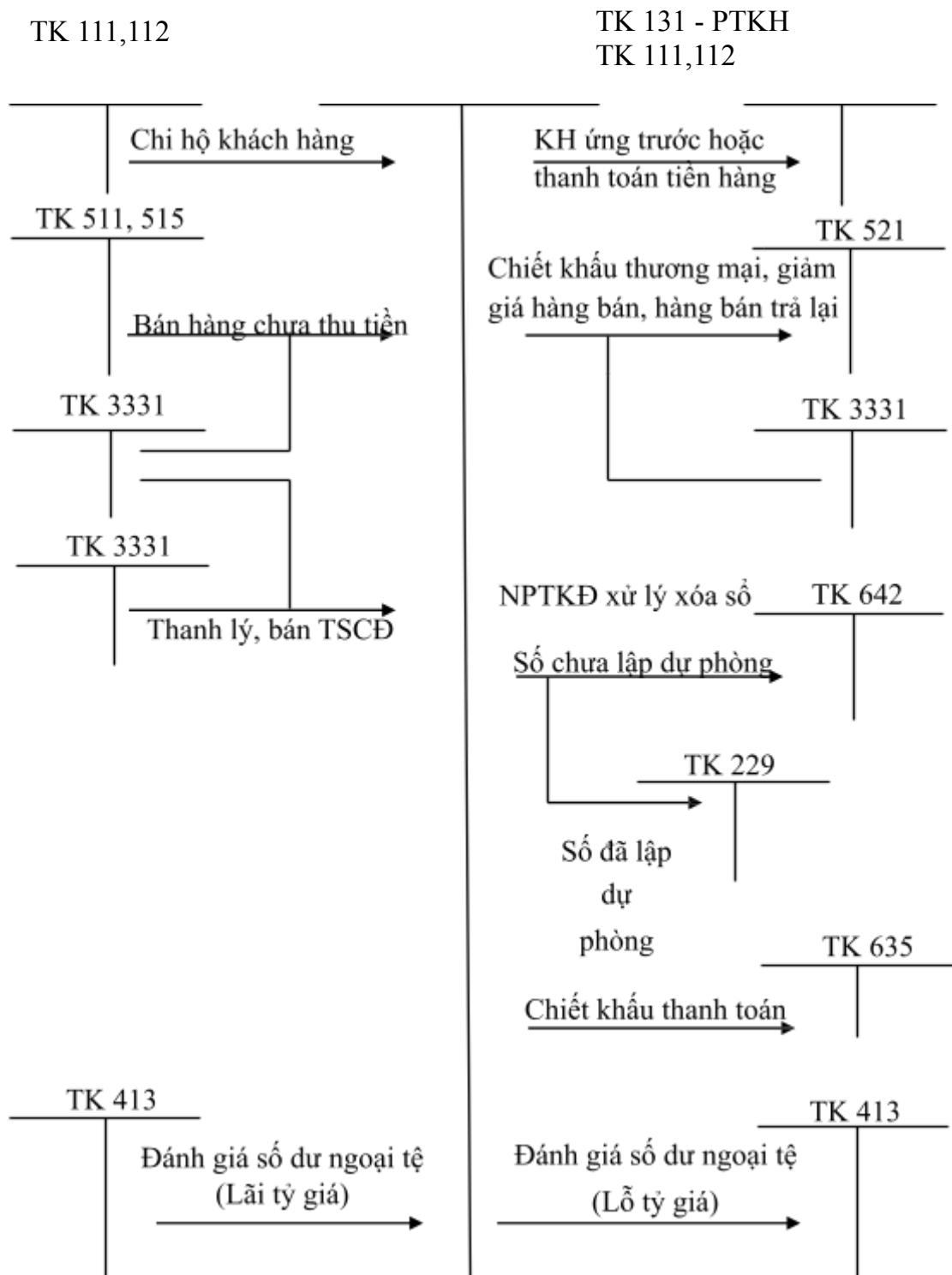
Tài khoản PTKH phát sinh tại thời điểm cung cấp hàng hóa và dịch vụ. Tuy nhiên, thời điểm khách hàng thanh toán tiền còn tùy vào thỏa thuận của hợp đồng. Vậy nên, kế toán cần ghi nhận và mở sổ theo dõi cụ thể, chi tiết cho mỗi đối tượng riêng biệt, cho từng tài khoản. Các chứng từ được sử dụng như: hợp đồng kinh tế, phiếu xuất kho, phiếu thu - chi, ủy nhiệm thu - chi, giấy báo nợ - báo có, hóa đơn GTGT hay biên bản bù trừ công nợ (nếu khách hàng vừa là chủ nợ vừa là con nợ).

Bảng 1.1 Kết cấu TK 131 – Phải thu khách hàng

Bên Nợ	Bên Có
Số tiền phải thu của khách hàng về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp. Số tiền thừa trả lại cho khách hàng (liên quan đến số tiền nhận trước của Khách hàng) Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam)	- Số tiền giảm trừ cho khách hàng do giảm giá, chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại Số tiền đã nhận trước của khách hàng Số tiền khách hàng đã trả nợ. Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam)
Số nợ bên Nợ: Số tiền còn phải thu của người mua hoặc chênh lệch số tiền còn phải thu > số tiền khách hàng trả trước	Số nợ bên Có: Số tiền đã nhận trước của khách hàng hoặc chênh lệch số tiền khách hàng trả trước > số tiền phải thu khách hàng

Nguồn Giáo trình Kế toán tài chính 1 Đại học Ngân hàng TP.HCM

1.2.1.3 Sơ đồ và phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.1 Sơ đồ hạch toán TK 131 - Phải thu khách hàng

Nguồn Giáo trình Kế toán tài chính 1 Đại học Ngân hàng TP.HCM

Các nghiệp vụ chủ yếu được nêu ở khoản 3 Điều 18 trong Thông tư 200/2014/TT-BTC:

Nghiệp vụ 1: Khi bán hàng, dịch vụ chưa được thanh toán ngay, ghi:

Nợ TK 131 – PTKH

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Trường hợp khoản thuế phải nộp không thể tách riêng, ghi:

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nghiệp vụ 2: Khách trả lại hàng bán:

Nợ TK 5213 - Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Có TK 131 - PTKH

Nghiệp vụ 3: Trường hợp khách được giảm giá hay chiết khấu thương mại, ghi:

Nợ TK 521 - Các khoản giảm

trừ doanh thu (Giá chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản

phải nộp Nhà nước

Có TK 131 - PTKH (Tổng số tiền giảm giá).

Nghiệp vụ 4: Khi trả trước hạn, khách được chiết khấu thanh toán và trừ vào

khoản nợ PTKH, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - PTKH.

Nghiệp vụ 5: Khi nhận ủy thác xuất – nhập khẩu có phí, ghi:

Nợ TK 131 - PTKH

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Tại thời điểm lập BCTC, tỷ giá dùng để đánh giá số dư nợ PTKH có gốc ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam,
ghi: Nợ TK 131 - PTKH

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam,
ghi: Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 131 – PTKH

1.2.2. Kế toán thuế GTGT được khấu trừ

1.2.2.1 Nội dung về khoản thuế GTGT được khấu trừ

Chỉ có doanh nghiệp áp dụng phương pháp là khấu trừ khi nộp thuế thì mới được áp dụng thuế GTGT được khấu trừ. Chỉ khi có các chứng từ hợp lệ (hàng mua vào phải có hóa đơn GTGT) thì mới được khấu trừ Thuế GTGT đầu vào.

Thuế GTGT được khấu trừ được kê khai hàng tháng. Theo quy định, nếu hóa đơn hay chứng từ của thuế GTGT được khấu trừ chưa được kê khai trong tháng thì phải chuyển sang tháng sau kê khai.

Theo khoản 1 điều 19 của Thông tư 200/2014/TT-BTC "Kế toán phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ. Trường hợp không thể hạch toán riêng được thì số thuế GTGT đầu vào được hạch toán vào tài khoản 133. Cuối kỳ, kế toán phải xác định số thuế GTGT được khấu trừ và không được khấu trừ theo quy định của pháp luật về thuế GTGT."

Bên cạnh đó, số thuế GTGT được khấu trừ theo tỷ lệ (%) được xác định giữa doanh thu của các đối tượng chịu thuế và doanh thu phát sinh trong kỳ.

Trong trường hợp thuế GTGT đầu vào lớn hơn đầu ra thì doanh nghiệp chỉ được khấu trừ bằng với số thuế GTGT đầu ra của tháng đó. Còn đối với số chênh lệch sẽ được trừ tiếp vào kỳ tiếp theo hoặc sẽ được hoàn theo quy định.

Ngoài ra, theo khoản 1, Điều 6, Thông tư 78/2014/TT-BTC "Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.)".

1.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

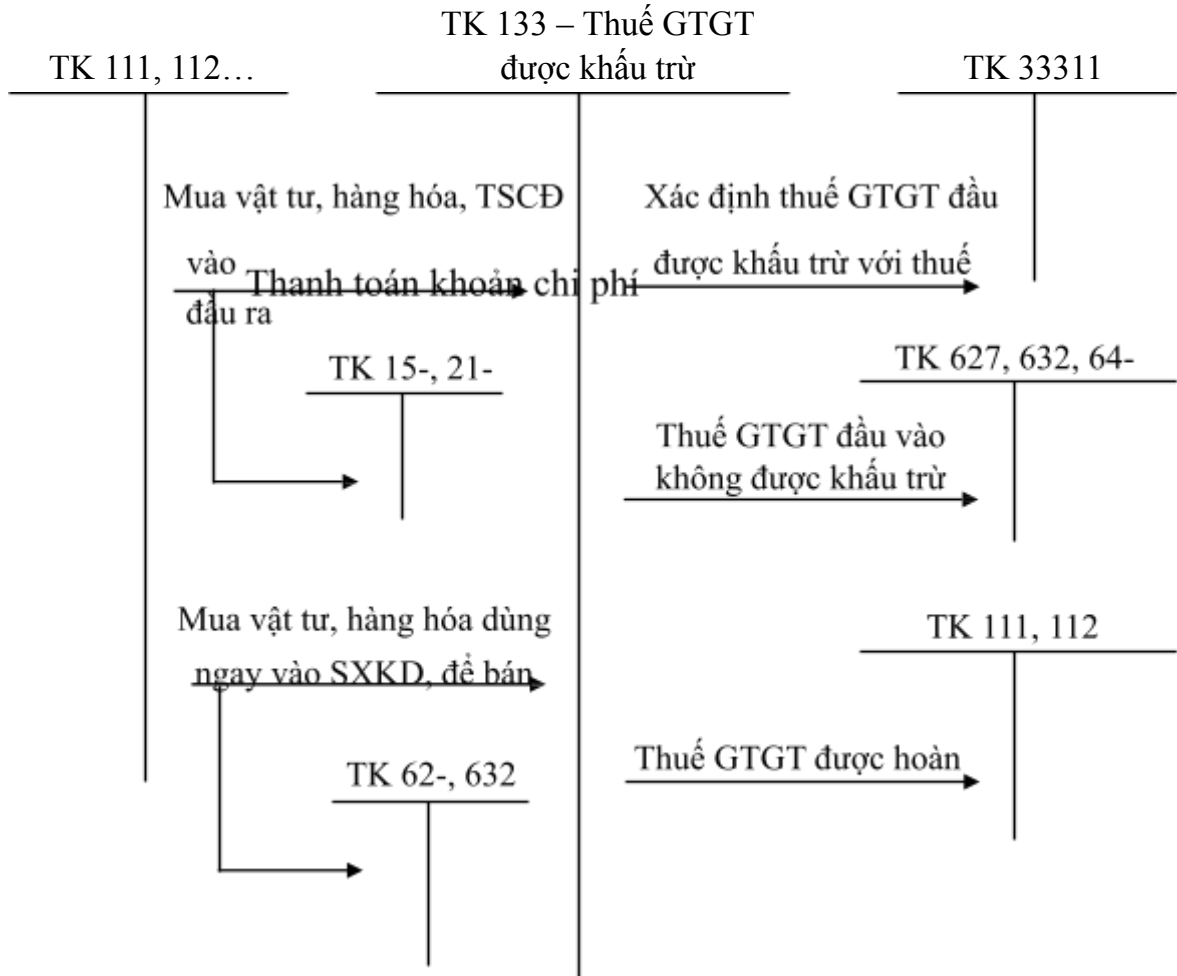
Chứng từ sử dụng: Chứng từ sử dụng chủ yếu là hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng, tờ khai thuế, bảng kê khấu trừ thuế GTGT, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào,...

Bảng 1.2 Kết cấu TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Bên Nợ	Bên Có
- Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	- Số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ - Thuế GTGT của hàng hóa mua nhưng bị đã trả lại - Kết chuyển số thuế GTGT không được khấu trừ - Thuế GTGT đầu vào đã được hoàn lại
Số nợ bên Nợ: Số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ, chưa được hoàn lại.	

Nguồn Giáo trình Kế toán tài chính 1, Đại học Ngân hàng TP.HCM

1.2.2.3 Sơ đồ và phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2 Sơ đồ hạch toán TK 133 –

Thuế GTGT được khấu trừ Nguồn

Giáo trình Kế toán tài chính 1, Đại học

Ngân hàng TP.HCM

yêu:

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, trình bày
một số giao dịch kinh tế chủ

Nghiệp vụ 1: Khi có phát sinh đối với hàng tồn
kho, TSCĐ, BĐSĐT có thuế

GTGT được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 211, 213, 217, 611 (Giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có các TK 111, 112, 331,... (Tổng giá thanh toán).

Nghiệp vụ 2: Khi có vật tư, hàng hóa hay dịch vụ phát sinh và dùng ngay vào sản xuất, có thuế GTGT được khấu trừ ghi nhận:

Nợ các TK 621, 623, 627, 641, 642, 241, 242,... (Giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có các TK 111, 112, 331,... (Tổng giá thanh toán)

Nghiệp vụ 3: Công ty mua hàng không thông qua nhập kho, giao bán ngay cho khách, thuế GTGT được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có các TK 111, 112, 331,... (Tổng giá thanh toán)

Nghiệp vụ 4: Đối với hàng hóa, vật tư, TSCĐ được nhập

khẩu: Nợ TK 152, 153, 156, 211

Có TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 333 – Thuế GTGT phải nộp (3331, 3332, 3333, 33381)

Nếu hàng nhập khẩu có thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331, 1332)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33312)

Nghiệp vụ 5: Trả hàng hoặc hàng giảm giá do kém chất lượng, mất hàng:

Nợ các TK 111, 112, 331 (Tổng giá thanh toán)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có các TK 152, 153, 156, 211,... (Giá mua chưa có thuế GTGT).

Nghiệp vụ 6: Cuối tháng, xác định số thuế GTGT đầu vào và đầu ra để có số thuế GTGT phải nộp, ghi:

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

Nghiệp vụ 7: Thuế GTGT đầu vào khi được hoàn, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

1.2.3. Kế toán các khoản nợ phải thu khác

1.2.3.1 Nội dung về khoản nợ phải thu khác

Tại khoản 1 điều 21 của Thông tư 200/2014/TT-BTC thì "Tài khoản Phải thu khác là tài khoản phản ánh các khoản nợ phải thu nằm ngoài phạm vi đã phản ánh ở các tài khoản phải thu (TK 131, 136) và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này". Cũng theo khoản 1 điều 21 trong Thông tư 200/2014/TT-BTC đề cập đến các khoản chủ yếu của tài khoản này là: Tài sản thiếu chờ xử lý, chưa rõ nguyên nhân; Phải thu về việc bồi thường; Phải thu khi chi hộ phải thu hồi; Cho mượn bằng tài sản phi tiền tệ; Phải thu đối với khoản chi cho hoạt động sự nghiệp, chi dự án, đầu tư XDCB, SXKD do không được phê duyệt; Lợi nhuận, cổ tức, tiền lãi khi cho vay phải thu từ hoạt động đầu tư tài chính; Các khoản phải thu khác...

1.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

Chứng từ sử dụng: Đối với tài khoản "Phải thu khác" chứng từ sử dụng thông thường như: Phiếu thu - chi, ủy nhiệm thu - chi, biên bản kiểm kê TSCĐ, giấy báo Nợ...

Tại khoản 2 điều 21 Thông tư 200/2014/TT-BTC cho biết TK 138 – Phải thu khác có 3 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 1381 – Tài sản thiếu chờ xử lý: Phản ánh giá trị của tài sản thiếu chưa rõ nguyên nhân và chưa có biên bản xử lý.

- TK 1385 – Phải thu về cổ phần hóa: Khoản phải thu đã chi ra của doanh nghiệp về cổ phần hóa.
- TK 1388 – Phải thu khác: Các khoản phải thu khác ngoài phạm vi các khoản phải thu nêu trên.

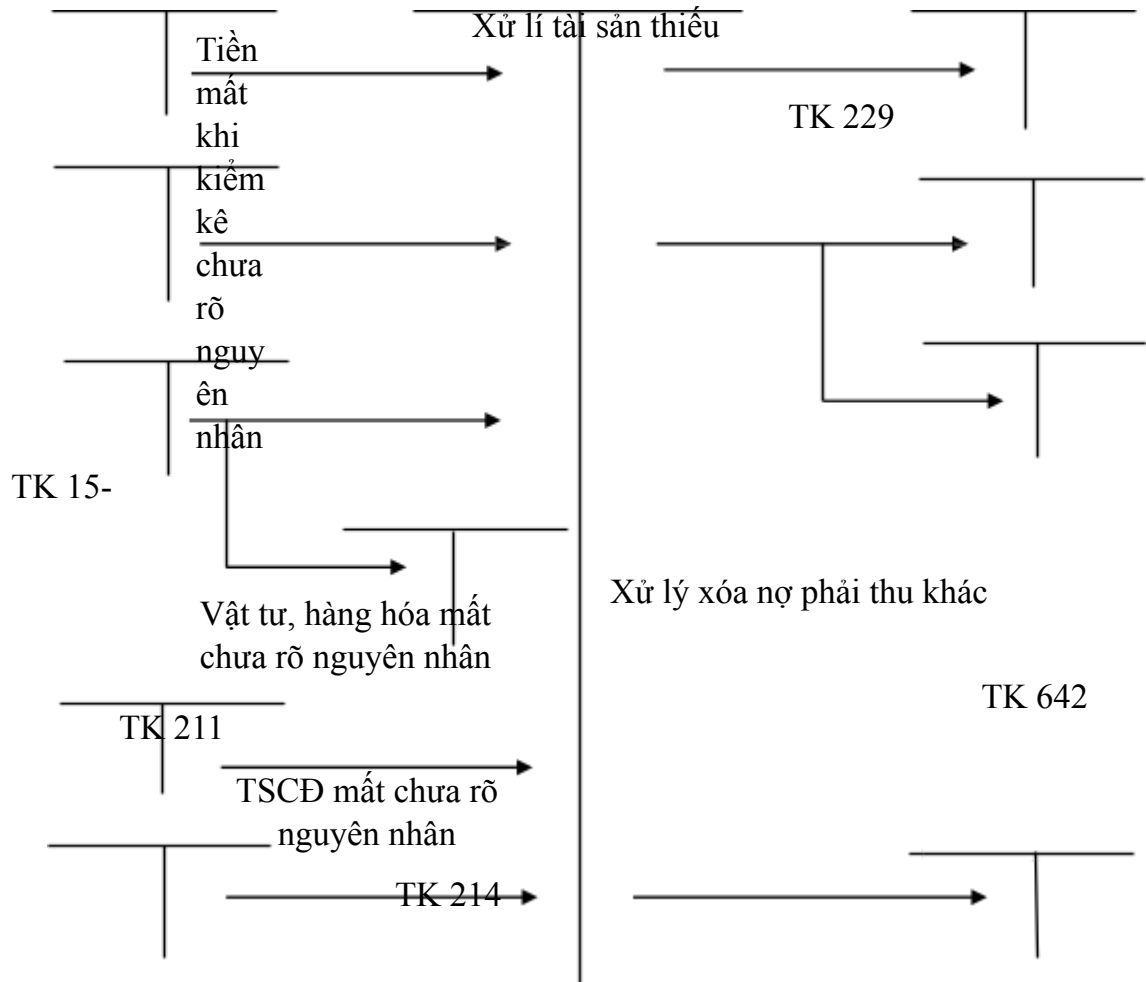
Bảng 1.3 Kết cấu Tài khoản 138 – Phải thu khác

Bên Nợ	Bên Có
- Giá trị tài sản thiếu chờ giải quyết - Phải thu về bồi thường vật chất - Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư tài chính; - Các khoản chi hộ bên thứ ba phải thu hồi, các khoản nợ phải thu khác; - Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam)	- Xử lý tài sản thiếu theo quyết định ghi trong biên bản xử lý - Số tiền thu được về các khoản phải thu - Đánh giá lại các các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam)
Số dư bên Nợ: Các khoản nợ phải thu khác chưa thu được.	

Nguồn Giáo trình Kế toán tài chính 1, Đại học Ngân hàng TP.HCM

—

TK 11-,



Phải
thu
cổ
tức
được
chia

Đánh

y
g
i
á
)

TK 413

Đánh giá số dư ngoại tệ
(Lỗi tỷ giá)

Sơ đồ 1.3 Sơ đồ hạch toán TK 138 – Phải thu khác

Nguồn Giáo trình Kế toán tài chính 1, Đại học Ngân hàng TP.HCM

Theo khoản 3 Điều 21 Thông tư 200/2014/TT-BTC, một số giao dịch kinh tế chủ yếu:

Nghiệp vụ 1: Phát hiện thiếu TSCĐ hữu hình dùng cho hoạt động SXKD chưa rõ lý do, chờ xử lý, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (Giá trị còn lại của TSCĐ)

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị hao mòn)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá)

Nghiệp vụ 2: Trường hợp kiểm kê phát hiện thiếu tiền mặt, hàng hóa,... ghi:

a) Khi nguyên nhân chưa được làm rõ, chờ xử lý,

ghi: Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381)

Có các TK 111, 152, 153, 155, 156.

b) Khi có quyết định xử lý đối với tài sản thiếu, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (Cá nhân, tổ chức nộp tiền bồi thường)

Nợ TK 1388 - Phải thu khác (Cá nhân, tổ chức phải nộp tiền bồi thường)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (Số bồi thường trừ vào lương)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Nợ TK 811 - Chi phí khác

Có TK 1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý

Nghiệp vụ 3: Trường hợp thu hồi các khoản chi hộ, phải thu khác, ghi

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388)

Có các TK liên quan

Nghiệp vụ 4: Khi thu hồi các khoản nợ phải thu khác bằng tiền, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 138 - Phải thu khác (1388)

1.2.4. Kế toán các khoản dự phòng phải thu khó đòi

1.2.4.1 Nội dung về khoản dự phòng phải thu khó đòi

Trong quá trình lập BCTC, doanh nghiệp cần xác định các khoản NPTKD và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không đòi được. Điều này, phản ánh trung thực giá trị của Tài sản vào thời điểm lập BCTC, ghi nhận trước những rủi ro có thể xảy ra tránh làm sai lệch thông tin.

Tuy nhiên, doanh nghiệp cần có căn cứ và quy định cụ thể để xác minh mức độ khó đòi và trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Điều kiện, căn cứ trích lập DPPTKD như sau:

- Các chứng từ gốc như hợp đồng mua – bán hoặc giấy xác nhận nợ của khách hàng như khế ước vay nợ, cam kết nợ, hay các loại chứng từ khác như bản thanh lý hợp đồng, đối chiếu công nợ,...

- Theo quy định hiện hành thì mức trích lập DPPTKD được tính như sau: Mức lập dự phòng = Khoản nợ phải thu * % Dự phòng

Bảng 1.4 Tỷ lệ lập dự phòng

Nợ phải thu khó đòi quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi
06 tháng – 1 năm	30%
1 năm – 2 năm	50%
2 năm – 3 năm	70%
Trên 3 năm	100%

Nguồn Giáo trình Kế toán tài chính 1, Đại học Ngân hàng TP.HCM

Doanh nghiệp chỉ trích lập DPPTKD trong trường hợp:

- Quá hạn thanh toán các khoản nợ phải thu, thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng, cam kết nợ hay khế ước vay nợ. Doanh nghiệp cũng đã tiến hành các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không thu được.

Lưu ý: Dựa vào thời hạn trả nợ gốc được ghi trên hợp đồng để xác định khoản nợ phải thu khó đòi, không tính đến thời hạn gia hạn nợ.

- Trường hợp, khách hàng có khả năng phá sản, giải thể, bỏ trốn, mất tích hay đang bị cơ quan chức năng truy tố, giam giữ hoặc thi hành án,... thì dù chưa đến hạn vẫn phải trích lập dự phòng.

Việc trích lập DPPTKĐ được trích lập cho từng đối tượng khách hàng riêng biệt không trích lập trên giá trị tổng thể. Ngoài ra, doanh nghiệp có quyền bán các khoản nợ này cho Công ty mua – bán nợ nếu doanh nghiệp đã cố gắng thu hồi nợ nhưng không thành hoặc xóa NPTKĐ trên Sổ kế toán nhưng phải tuân theo đúng quy định của BTC và Pháp luật hiện hành. Đồng thời, số nợ này vẫn phải được theo dõi trong hệ thống quản trị của doanh nghiệp và được trình bày ở phần thuyết minh BCTC.

1.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

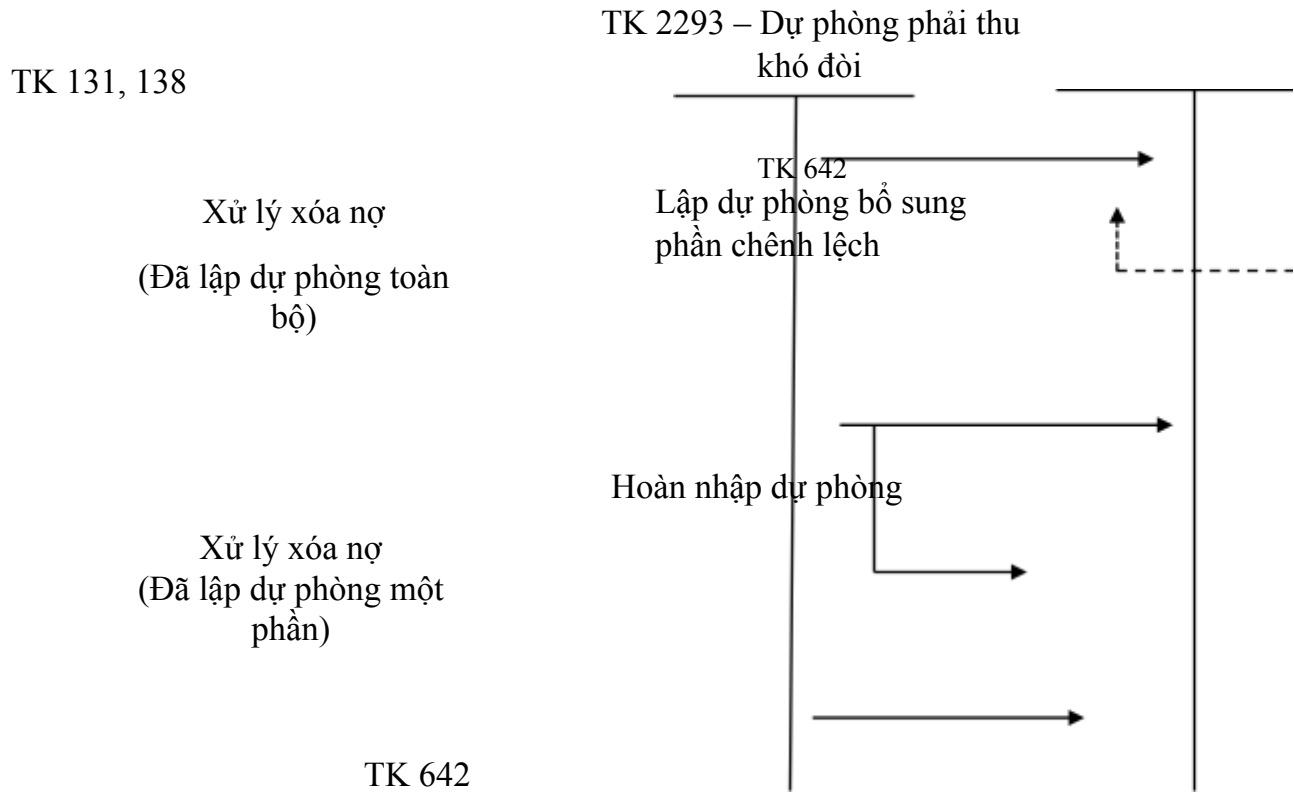
Chứng từ sử dụng: Dựa vào các BCTC của các khách hàng để làm căn cứ để lập dự phòng. Mỗi tài khoản chỉ để theo dõi cho một khách hàng, khi BCTC có dấu hiệu khó khăn thì lập tức đưa vào dạng nghi ngờ và lập dự phòng.

Bảng 1.5 Tài khoản 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

Bên Nợ	Bên Có
- Hòa nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết. - Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ	- Số dự phòng phải thu khó đòi được lập
	Số nợ bên Có: Số dự phòng phải thu khó đòi hiện có.

Nguồn Giáo trình Kế toán tài chính 1, Đại học Ngân hàng TP.HCM

1.2.4.3 Sơ đồ và phương pháp hạch toán



Xử lý xóa nợ
(chưa lập dự phòng)

Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán TK 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi

Nguồn Giáo trình Kế toán tài chính 1, Đại học Ngân hàng TP.HCM

Theo khoản 3 Điều 45 của Thông tư 200/2014/TT-BTC, phương pháp kế toán DPPTKĐ được trình bày như sau:

Nghiệp vụ 1: Số dự phòng NPTKĐ được trích lập ở kì trước chưa sử dụng hết nhỏ hơn số dự phòng cần trích lập ở kỳ này:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Nghiệp vụ 2: Số dự phòng NPTKĐ đã trích lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng cần trích lập ở kỳ này:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nghiệp vụ 3: Thực hiện xóa các khoản NPTKĐ được xác định là không thể thu hồi. Dựa vào quyết định xóa nợ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331, 334. (Phần tổ chức cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 2293 - Dự phòng tổn thất tài sản (Phần đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Phần được tính vào chi phí)

Có các TK 131, 138, 128, 244...

1.2.5. Trình bày thông tin trên BCTC

Theo Giáo trình Kế toán Tài chính 1, các khoản phải thu được trình bày trên BCTC cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán

A-Tài sản ngắn hạn

III. Các khoản phải thu ngắn hạn

1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

6. Phải thu ngắn hạn khác

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

V. Tài sản ngắn hạn khác

2. Thuế GTGT được

khấu trừ B-Tài sản dài hạn

I. Các khoản phải thu dài hạn



1. Phải thu dài hạn của khách hàng

7.

Dự

phòn

g

phải

thu

dài

hạn

toán khó

đòi

C-N

ợ

phải

trả

I. Nợ ngắn hạn

2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

II. Nợ dài hạn

2. N

gư

ời

mu

a

trả

tiề

n

trư

ớc

dài

hạ

n

Th

uy

ết

mi

nh

bá

o

cá

o

tài

chí

nh

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục
trình bày trong Bảng cân đối kế

3. Phải thu của khách hàng

5. Tài sản thiếu chờ xử lý

6. Nợ xấu

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Dựa vào Giáo trình Tài chính 1 và Thông tư 200 của BTC ban hành, tác giả đã trình bày phân lý thuyết về các khoản nợ phải thu trong chương 1. Tác giả đã làm rõ cơ sở lý luận của các khoản nợ phải thu, cụ thể là: PTKH, Thuế GTGT được khấu trừ, Phải thu khác và Dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Thông qua nền tảng lý thuyết trên có thể nhận thấy sức ảnh hưởng của các khoản nợ phải thu trong doanh nghiệp. Đây là cơ sở, tiền đề cho việc đi sâu vào tìm hiểu thực trạng công tác kế toán nợ phải thu thực tế tại doanh nghiệp trong chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU TẠI CÔNG TY TNHH VIET AIR CONSOL

2.1 Tìm hiểu chung về Công ty TNHH Viet Air Consol

2.1.1. Giới thiệu sơ lược về công ty ITL



Hình 2.1 Logo Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần

Tên doanh nghiệp đầy đủ là Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần, gọi tắt là ITL Corp. Mã số thuế của doanh nghiệp là 0301909173. Vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 VND

Công ty được thành lập năm 1999, tiền thân là Công ty TNHH giao nhận Indo Trần, công ty hoạt động chuyên về lĩnh vực vận chuyển hàng hóa quốc tế. Năm 2007, công ty thực hiện cổ phần hóa, đa dạng thêm các hoạt động kinh doanh và hoạt động với tên gọi là Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần đến ngày nay.

2.1.2. Giới thiệu về Công ty TNHH Viet Air Consol



Hình 2.2 Logo Công ty TNHH Viet Air Consol

Tên công ty đầy đủ là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Viet Air Consol. Công ty TNHH Viet Air Consol (VAC) trực thuộc công ty INDO TRẦN, thành lập ngày 16/02/2017. Công ty có mã số thuế là 0314232322. Công ty có mức vốn điều lệ là 2.300.000.000 đồng.

2.1.3. Lịch sử hình thành và phát triển

Năm 2017, Công ty được thành lập và hoạt động trong lĩnh vực vận tải, dưới sự quản lý của ITL Corp. Được hình thành và phát triển từ ITL Corp, VAC ngày càng hoàn thành tốt chức năng và nhiệm vụ của mình với nguồn nhân lực đầy nhiệt huyết, sáng tạo và giàu kinh nghiệm kết hợp với công nghệ và Internet, giúp VAC càng khẳng định được vị trí trên thị trường Logistics. VAC hiện nay sở hữu một mạng lưới vận chuyển rộng cả trong và ngoài nước.

2.1.4. Ngành nghề, lĩnh vực hoạt động

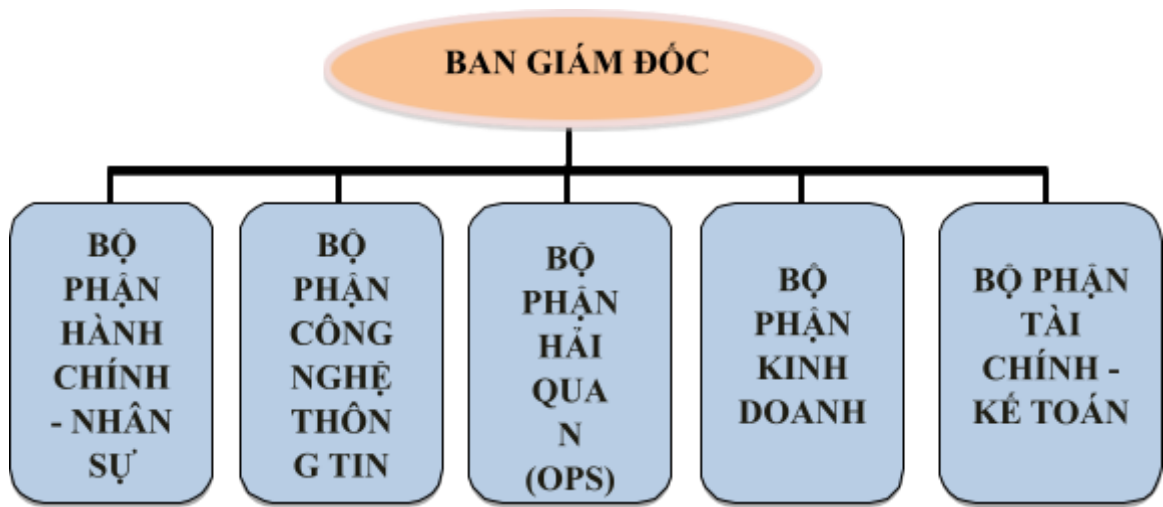
Viet Air Consol chuyên cung cấp các dịch vụ vận tải và vận tải hàng hóa bằng đường bộ như: Vận chuyển đường bộ; Logistics tổng hợp; Giao nhận kho bãi và Thương mại điện tử;...

2.1.5. Chức năng và nhiệm vụ của công ty

Chức năng: Cung ứng các dịch vụ trong vận tải, hàng không và logistics thương mại điện tử với tính hội nhập cùng sự tôn trọng và tín nhiệm đối với các khách hàng. Dịch vụ vận chuyển phục vụ cho hoạt động xuất nhập khẩu, vận chuyển những chuyến hàng nội địa, xuyên biên giới.

Nhiệm vụ: Đăng ký và hoạt động theo đúng ngành nghề đã đăng ký; Chấp hành và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà Nước. Chịu trách nhiệm với khách hàng và pháp luật về sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp; Luôn chú ý đến vấn đề giữ gìn trật tự an ninh, xã hội và vấn đề môi trường.

2.1.6. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1 Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty TNHH Viet Air Consol

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Chức năng của từng bộ phận:

Ban Giám đốc: Là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh, đại diện pháp luật của công ty. Là bộ phận đưa ra mục tiêu phát triển cho doanh nghiệp và cũng phải đảm bảo có thể hoàn thành mục tiêu; đồng thời cũng là người lập ra các chính sách và giám sát quản lý công ty.

Bộ phận hành chính - nhân sự: Là bộ phận chịu trách nhiệm về công tác tổ chức, nhân sự và hành chính tại VAC. Đồng thời, theo dõi thông tin nhân lực toàn công ty và triển khai công tác tuyển dụng kịp thời, đáp ứng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp.

Bộ phận Công nghệ thông tin: Là bộ phận đảm nhiệm các phần công nghệ tại đơn vị như quản trị mạng, cơ sở dữ liệu, an ninh, quản lý công nghệ thông tin điện tử.

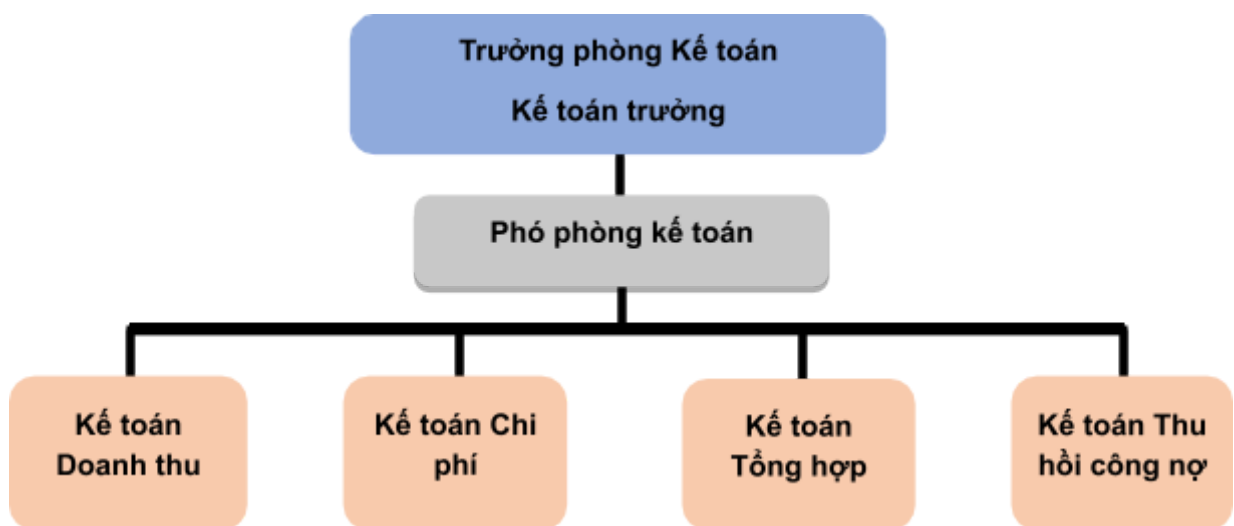
Bộ phận hải quan (OPS): là bộ phận đảm nhiệm việc liên hệ, trao đổi thông tin với khách hàng cả trong lẫn ngoài nước về việc giao nhận hàng hóa và cũng như các thủ tục pháp lý hải quan có liên quan cho các lô hàng.

Bộ phận kinh doanh: Là bộ phận chịu trách nhiệm tìm kiếm và thuyết phục khách hàng tin tưởng hợp tác với doanh nghiệp. Đồng thời, thiết lập quan hệ thân thiết với đối tác, truyền tải các ưu đãi mới đến khách hàng và tìm ra nguồn khách hàng tiềm năng cho đơn vị.

Bộ phận tài chính – kế toán: Quản lý toàn bộ nguồn thu – chi tài chính của đơn vị, phản ánh sát sao tình hình tài chính đến cấp lãnh đạo giúp cho ban giám đốc đưa ra hướng hoạt động đúng đắn.

2.1.7. Tổ chức bộ máy kế toán trong công ty

2.1.7.1. Cơ cấu bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2 Sơ đồ bộ máy kế toán tại VAC

Nguồn: Tác giả tổng hợp

2.1.7.2. Chính sách kế toán đang sử dụng

- Chế độ kế toán đang áp dụng: Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.
- Niên độ kế toán tại công ty là 1 năm tính từ 01/01 đến hết 31/12 cùng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán tại công ty: Đồng Việt Nam

- Báo cáo thuế: Kê khai thuế theo tháng
- Báo cáo tài chính: BCTC được kế toán lập vào thời điểm cuối năm.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho

Ghi nhận hàng tồn kho theo nguyên tắc giá gốc

Phương pháp kế toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên

Sử dụng phương pháp bình quân cuối kì để tính giá hàng tồn kho.

- Phương pháp tính thuế GTGT

Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng (GTGT): Theo phương pháp khấu trừ

- Phương pháp khấu hao TSCĐ

Phương pháp khấu hao TSCĐ áp dụng phương pháp đường thẳng.

2.1.7.3. Hệ thống sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán đang áp dụng: Sổ quỹ tiền mặt; Sổ kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng, tiền mặt; Sổ theo dõi thanh toán; Sổ chi tiết tiền vay; Sổ chi tiết mua hàng; Sổ chi tiết, sổ cái các tài khoản. Để phù hợp với đặc thù kinh doanh, các mẫu sổ được sử dụng tại đơn vị được thiết kế cho phù hợp.

2.1.7.4. Hệ thống chứng từ kế toán

Công ty đang áp dụng hệ thống chứng từ ban hành theo quyết định số 200/2014/TT-BTC. Bên cạnh các mẫu chứng từ này, công ty còn sử dụng thêm một số chứng từ nội bộ như: Phiếu thu – chi (Số hiệu 01/02-TT); Hoá đơn GTGT (Số hiệu 01GTKT01/001); Phiếu xuất kho (Số hiệu 02-VT); Phiếu nhập kho (Số hiệu 01-VT) và các chứng từ khác.

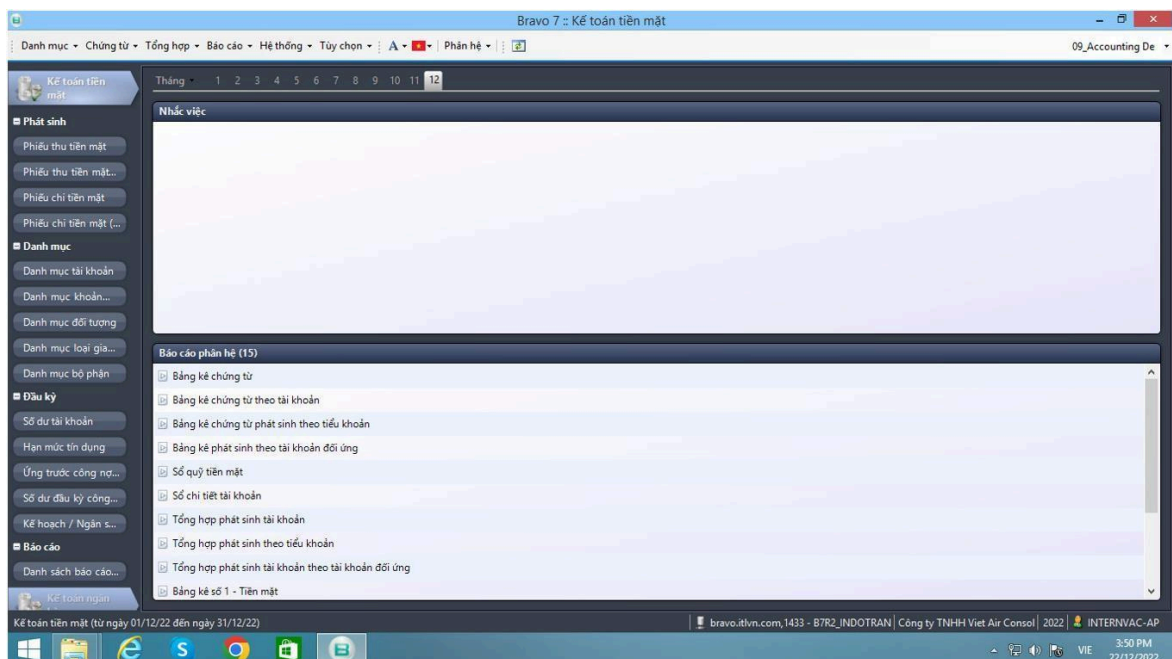
Người lập chứng từ đều được phân công rõ ràng và cụ thể. Để được ghi nhận hay luân chuyển qua bộ phận khác thì các chứng từ đều được kế toán trưởng kiểm duyệt.

2.1.7.5. Hệ thống tài khoản sử dụng

Hiện nay công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản sử dụng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC. Công ty đã tuân thủ các quy định hiện hành về Luật cũng như chế độ Kế Toán tại Việt Nam.

2.1.8. Phần mềm kế toán đang áp dụng

Công ty TNHH Viet Air Consol hiện tại đang sử dụng phần mềm Bravo cùng với Excel trong quá trình làm việc hằng ngày. Hiện nay, Bravo đang trở nên phổ biến hơn với tính đa dạng, dễ điều chỉnh theo yêu cầu của người dùng. Bravo đã đáp ứng được yêu cầu sử dụng tại đơn vị và cũng phù hợp với quy mô, lĩnh vực của công ty.

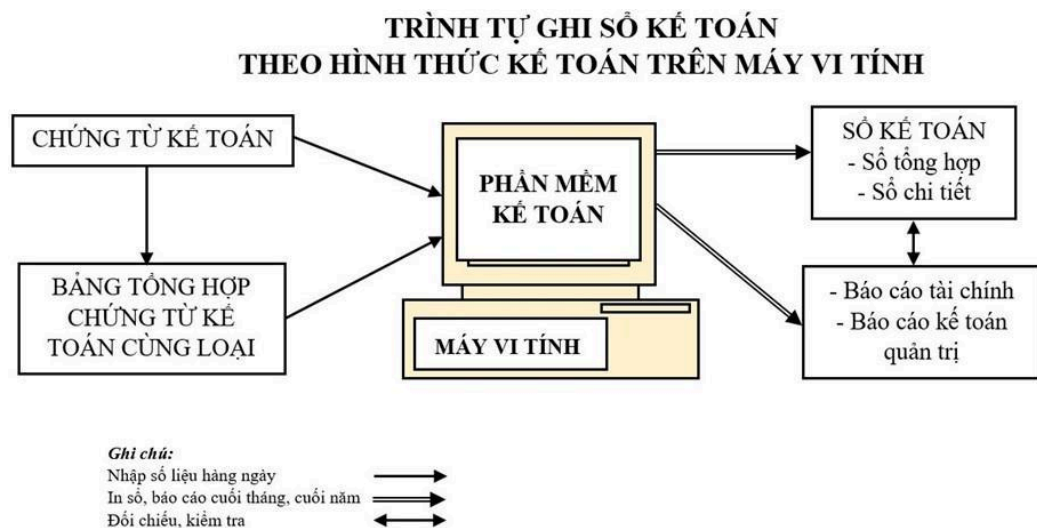


Hình 2.3 Giao diện phần mềm kế toán

Bravo Nguồn: Phòng kế toán VAC

Hình thức ghi sổ kế toán: Công ty TNHH Viet Air Consol áp dụng hình thức kế toán là hình thức ghi sổ trên máy vi tính. Tại Viet Air Consol thì trình tự ghi sổ được thực hiện như sau:

- Hàng ngày, dựa vào các chứng từ hay bảng tổng hợp đã được kiểm duyệt dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định TK ghi Nợ, ghi Có để tiến hành nhập liệu theo mẫu thiết kế sẵn trên các phần mềm kế toán Bravo.
- Các thông tin sẽ được tự động cập nhật vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan trên phần mềm.
- Kế toán thực hiện khóa sổ (cộng sổ) vào cuối tháng hay tại bất kì thời điểm nào cần thiết. Số liệu tổng hợp và số liệu chi tiết được thực hiện đối chiếu tự động nên luôn đảm bảo tính chính xác và trung thực theo như thông tin đã nhập trong kì. Kế toán có thể đối chiếu, kiểm tra số liệu giữa sổ kế toán với BCTC sau khi in ra.
- Tiến hành các thao tác để in BCTC theo quy định.
- In sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết vào thời điểm cuối tháng, cuối năm và tiến hành các thủ tục pháp lý đối với sổ kế toán truyền thống (ghi bằng tay).



Hình 2.4 Sơ đồ cơ cấu bộ máy kế toán tại VAC

Nguồn: Phòng kế toán VAC

2.2 Thực trạng kế toán các khoản nợ phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol

2.2.1. Kế toán các khoản nợ phải thu khách hàng

2.2.1.1. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 131 - “Phải thu khách hàng” để phản ánh các khoản phải thu khách hàng trên BCDKT. Các khoản PTKH được theo dõi theo từng khách hàng thông qua tài khoản chi tiết của 131. Kế toán theo dõi và cập nhật các phát sinh mới liên quan đến công nợ khách hàng thông qua file theo dõi trên Excel và trên phần mềm Bravo. Việc kết hợp sử dụng giữa Bravo và Excel giúp kế toán có thể kiểm tra song song công nợ khách hàng tránh xảy ra sai sót.

Khoản mục PTKH là khoản mục trọng yếu trên bảng cân đối kế toán, có mối liên hệ trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và phát sinh liên tục trong quá trình hoạt động kinh doanh. Do đó, khoản mục PTKH sẽ phải cập nhật liên tục và thường xuyên vào file theo dõi công nợ tương ứng với mỗi khách hàng. Đối với các quy trình kế toán như kiểm soát chứng từ hay luân chuyển chứng từ cũng như quy trình thanh toán,... kế toán công nợ cần phải hiểu được và nắm rõ về các quy trình này trong quá trình công tác.

Bên cạnh đó, kế toán cần phải kiểm tra thường xuyên thời hạn thanh toán của khách hàng, chủ động tính các chỉ số như vòng quay các khoản phải thu, tuổi nợ của khách nhằm phân loại khách hàng,... Từ đó, giúp quản lý và kiểm soát các khoản PTKH tốt hơn và tránh nhiều rủi ro. Ngoài ra, định kì kế toán công nợ cần chủ động lập biên bản xác nhận công nợ của từng khách hàng để báo cáo lên cấp trên.

Nhằm kiểm soát tốt hơn khoản PTKH thì sự liên kết giữa bộ phận kế toán công nợ và kinh doanh là cần thiết. Bởi vì khi bộ phận kinh doanh bán được bất kì đơn hàng nào thì phải ghi nhận ngay lập tức vào doanh thu. Các khoản nợ cũng cần được đưa vào danh sách theo dõi ngay lập tức để tránh thất thoát hoặc bỏ sót công nợ phải thu khách hàng. Đối với các khoản công nợ PTKH có gốc ngoại tệ thì kế

toán viên cần phải chú trọng đến tỷ giá, kiểm tra và đánh giá lại tỷ giá vào cuối kỳ có phù hợp với giá hiện hành và qui định hay không.

Về vấn đề hạn trả tiền sẽ được ghi trên hóa đơn khi kế toán xuất hóa đơn, tùy thuộc vào thỏa thuận của hai bên. Tuy nhiên, nếu đã quá hạn trả tiền mà khách hàng vẫn chưa trả thì công ty sẽ gửi mail nhắc nhở đối với khách hàng. Và nếu khách hàng vẫn không có bất kì phản hồi nào thì sẽ phải gọi điện đến nhờ khách hàng kiểm tra xem có nhận được mail của bên mình không rồi đưa ra hướng giải quyết có thể là gia hạn thời gian thanh toán. Tuy vậy, đa phần các khách hàng lớn thường có kì thanh toán riêng, nên cần linh hoạt theo kì thanh toán của khách hàng vì mục tiêu hợp tác dài hạn.

Việc quản lý, kiểm soát khoản mục PTKH đều được phần mềm Bravo đáp ứng. Phần mềm cho phép quản lý, theo dõi công nợ của các đối tác, nhắc nhở kế toán về các khoản nợ sắp đến kì phải thu. Đồng thời, phần mềm có thể xây dựng hệ thống đánh giá tín nhiệm, phân loại khách hàng dựa trên các báo cáo. Từ đó, giúp kế toán theo dõi và kiểm soát công nợ PTKH chặt chẽ và chính xác hơn.

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

Tại VAC, để tiến hành ghi sổ khoản nợ phải thu từ khách hàng thường bao gồm các chứng từ như: Hợp đồng mua – bán; Phiếu xuất kho; Giấy Báo Nợ/Có; Biên bản giao nhận hàng; Hóa đơn bán hàng; Phiếu thu - chi; Biên bản bù trừ công nợ hoặc Chứng từ giao dịch từ Ngân hàng...

2.2.1.3. Phương pháp hạch toán – ví dụ minh họa:

Kế toán hạch toán tăng các khoản nợ phải thu khách hàng:

Khi hàng hóa được giao cho bên nhận tuân theo tất cả các yêu cầu trong hợp đồng giữa hai bên. Khi đó, kế toán sẽ tiến hành xuất hóa đơn và ghi nhận doanh thu. Kế toán sẽ thực hiện hạch toán như sau:

Nợ TK 131 – PTKH

Có TK 511 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

Có TK 333 – Thuế GTGT đầu ra

Kế toán hạch toán giảm các khoản nợ phải thu khách hàng

Về thời hạn thanh toán các khoản PTKH đều được công ty quy định cụ thể, rõ ràng trên hợp đồng được ký kết. Về hình thức thanh toán VAC được thực hiện chủ yếu thông qua Ngân hàng.

Khi Giấy Báo Có của Ngân hàng được gửi đến Công ty, kế toán tiến hành xác định công nợ của khách hàng và đối chiếu, kiểm tra thời hạn thanh toán của khách hàng. Sau đó, kế toán tiến hành xóa công nợ cho khách hàng trên phần mềm kế toán Bravo.

Một số trường hợp ghi giảm phải thu khách hàng

- Khi hàng bán bị khách hàng bị trả lại, hạch toán như sau:

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Có TK 131 – PTKH

- Hạch toán chiết khấu thương mại hay giảm giá hàng bán cho khách hàng như sau:

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Có TK 131 – PTKH

Ví dụ 1: Ngày 19/12/2022, Công ty TNHH Viet Air Consol đã vận chuyển lô hàng cho Chi nhánh Công ty TNHH Expeditors Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội. Cước vận chuyển theo giá thanh toán trên hóa đơn GTGT số 00001010 là 6.108.265 đồng, với thuế suất GTGT hàng xuất khẩu là 0%.

Khi nhận được xác nhận chấp nhận thanh toán của Chi nhánh Công ty TNHH Expeditors Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, kế toán xuất Hóa đơn GTGT số 00001010 cho cước vận chuyển quốc tế.

Căn cứ vào chứng từ kế toán để ghi nhận:

- Hóa đơn GTGT số 00001010



Dựa vào hóa đơn số 00001010, kế toán công nợ truy cập vào Bravo để thực hiện hạch toán:

Bước 1 : Đăng nhập vào phần mềm Bravo

Bước 2: Chọn Tab "Chứng từ" trên thanh công cụ, sau đó chọn mục "Hóa đơn bán hàng"

Bước 3: Tiến hành điền các thông tin liên quan

- Ngày: 19/12/2022, Mẫu số: 1/001, Số: 00001010, Seri: C22TAA
- Nhập đối tượng mua hàng: 0312545104-001 – Chi nhánh Công ty TNHH Expeditors Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội
- Chọn giao dịch: 2301 – Bán hàng công nợ (Credit sales)
- Nhập nội dung: Cước vận chuyển quốc tế VN HAN 01-15/12/2022
- Chọn tài khoản ghi nợ: 13111 – Phải thu khách hàng VND(Theo khách hàng & hóa đơn)
- Chọn cách thức thanh toán: Chuyển khoản – VND
- Hạn thanh toán: 30/12/2022 – 18/01/2023
- Chọn loại thuế: 0%
- Nhập số tiền: 6.108.265 đồng.

Bước 4: Hoàn thành các bước hạch toán chứng từ và chọn lưu.

Như vậy, nghiệp vụ được hạch toán như sau:

Nợ TK 13111: 6.108.265

Có TK 5113012: 6.108.265

(Chi tiết giao diện hạch toán và chứng từ xem Phụ lục 2)

Ví dụ 2: Ngày 07/11/2022, Công ty TNHH Viet Air Consol thực hiện điều chỉnh giảm hóa đơn số 00000120 cho lô hàng 23254562723 của Công ty Cổ phần Giải Pháp Tiếp Vận Việt với số tiền là 13.116.212 đồng.

Bước 1 : Đăng nhập vào phần mềm Bravo

Bước 2: Chọn Tab "Chứng từ" trên thanh công cụ, sau đó chọn mục "Hàng bán bị trả lại"

Bước 3: Tiến hành điền các thông tin liên quan

- Ngày: 07/11/2022, Mẫu số: 1/002, Số: 00000334, Seri: C22TBB
- Nhập đối tượng mua hàng: 0107500118 – Công ty Cổ phần Giải Pháp Tiếp Vận Việt
- Chọn giao dịch: 2107: Nhập lại hàng bán trả lại (Record returned goods)
- Nhập nội dung: Điều chỉnh giảm hóa đơn số 00000120, mẫu số 1, ký hiệu C22TBB, ngày 05/10/2022 lô hàng 23254562723
- Chọn tài khoản ghi Có: 13111 – Phải thu khách hàng VND(Theo khách hàng & hóa đơn)
- Chọn loại tiền: VND
- Chọn loại thuế: 0%
- Chọn tài khoản ghi nợ: 33311: Thuế GTGT đầu ra
- Nhập số tiền: 13.116.212 đồng.

Bước 4: Hoàn thành các bước hạch toán chứng từ và chọn lưu.

Nghiệp vụ được hạch toán như sau:

Nợ TK 5113012 : 13.116.212

Có TK 13111 : 13.116.212

(Chi tiết giao diện hạch toán và chứng từ xem Phụ lục 3)

Ví dụ 3: Ngày 28/02/2022, Viet Air Consol nhận được Giấy báo Có với nội dung Công ty TNHH Toàn cầu Khải Minh thanh toán chuyển khoản tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Tân Định cho Công ty TNHH Viet Air Consol về cước VCQT theo Hóa đơn số 00000170 với tổng số tiền là 41.202.325 đồng.

Căn cứ vào chứng từ sau để ghi nhận:

- Hóa đơn GTGT số 00000170
- Giấy Báo có VV094/02



Trước đó, nghiệp vụ này đã được hạch toán như sau:

Nợ TK 131 : 41.202.325

Có TK 511 : 41.202.325

Có TK 3331 : 0

Thuế GTGT phải nộp bằng 0 vì theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC thì vận tải quốc tế sẽ được áp dụng mức thuế suất 0%.

Khi Giấy Báo Có từ Ngân hàng được gửi về Công ty, phòng công nợ sẽ xác định thời hạn thanh toán của khách hàng xem khách hàng trả đúng hạn hay trễ hạn từ đó xem khách có được hưởng ưu đãi thanh toán không.

Sau đó kế toán sẽ truy cập vào Bravo và tiến hành nhập liệu trên Bravo như

sau:

Bước 1 : Đăng nhập vào Bravo

Bước 2: Chọn phân hệ “Kế toán Ngân hàng”
vào chọn Tab “Báo có Ngân

hàng”, chọn chức năng “Thêm mới”

Bước 3: Điền các thông tin liên quan

- Chọn ngày: 28/02/2022
- Chọn hình thức thanh toán: Chọn tiền VNĐ – Tiền gửi ngân hàng
- Chọn Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Chọn Số Tài khoản ngân hàng: 0371000458184
- Chọn Khách hàng cần thu tiền nợ là 0103076 - Công ty TNHH Toàn Cầu Khải Minh
- Nhập nội dung: Thu cước VCQT HĐ 00000170
- Nhập số tiền: 41.202.325 đồng

Bước 4: Hoàn thành các bước hạch toán chứng từ và chọn lưu.

Bước 5: Chọn mục “Clear công nợ” và chọn "Lưu".

Như vậy, phần công nợ của Công ty TNHH Toàn Cầu Khải Minh theo hóa đơn số 00000170 đã được xóa.



Trên Bravo, nghiệp vụ sẽ được hạch toán như sau:

Nợ TK 11211401 : 41.202.325

Có TK 13111: 41.202.325

(Chi tiết giao diện hạch toán và chứng từ xem Phụ lục 4)

Ví dụ 4: Ngày 31/01/2023, Công ty nhận được Giấy báo Có với nội dung Chi nhánh Công ty TNHH YUSEN LOGISTICS (Việt Nam) thanh toán cước VCQT theo Hóa đơn số 00000073 cho Công ty TNHH Viet Air Consol bằng chuyển khoản tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Tân Định với số tiền là 61.138.911 đồng.

Căn cứ vào chứng từ kế toán sau để tiến hành hạch toán:

- Hóa đơn GTGT số 00000073
- Giấy Báo có MV074/01

Trước đó, nghiệp vụ này được kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 131 : 61.138.911

Có TK 511 : 61.138.911

Có TK 3331 : 0

Khi Giấy Báo Có được gửi về, phòng công nợ sẽ xác định thời hạn trả tiền của khách hàng xem khách trả đúng hạn hay trễ hạn.

Sau đó kế toán sẽ truy cập vào Bravo và tiến hành nhập liệu trên Bravo như sau:

Bước 1: Đăng nhập vào Bravo

Bước 2: Chọn phân hệ “Kế toán Ngân hàng” và chọn Tab “Báo có Ngân

hàng”, chọn chức năng “Thêm mới”

Bước 3: Điền các thông tin liên quan:

- Chọn ngày: 31/01/2023
- Chọn hình thức thanh toán: Chọn tiền VNĐ – Tiền gửi ngân hàng
- Chọn Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

- Chọn Số Tài khoản ngân hàng: 0001030624941
- Chọn Khách hàng cần thu tiền nợ là 010193670 - Chi nhánh Công ty TNHH YUSEN LOGISTICS (Việt Nam) tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Nhập nội dung: Thu cước VCQT HĐ 00000073
- Nhập số tiền: 61.138.911 đồng

Bước 4: Hoàn thành các bước hạch toán chứng từ và chọn lưu

Bước 5: Chọn mục “Clear công nợ” và chọn "Lưu".

Như vậy, phần công nợ của Chi nhánh Công ty TNHH YUSEN LOGISTICS theo hóa đơn số 00000073 đã được xóa.

Trên Bravo, nghiệp vụ sẽ được hạch toán như sau:

Nợ TK 11211401 : 61.138.911

Có TK 13111: 61.138.911

(Chi tiết giao diện hạch toán và chứng từ xem Phụ lục 5)

2.2.2. Kế toán thuế GTGT được khấu trừ

2.2.2.1. Tài khoản sử dụng

Đối với tài khoản liên quan đến Thuế GTGT được khấu trừ thì kế toán công ty sử dụng TK 133. Trên Bravo, tài khoản 133 chủ yếu hai loại tài khoản cấp 2 của tài khoản 133 (1331, 1332). Trong đó, TK được kế toán sử dụng chủ yếu là tài khoản 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ.

Việc Bravo được ứng dụng vào công tác kế toán các khoản Thuế GTGT được khấu trừ đã tạo ra nhiều tiện ích cho kế toán viên như trong việc tích hợp sẵn các báo cáo thuế như tờ khai thuế GTGT, bảng kê hóa đơn, bảng kê tình hình nộp thuế,... theo mẫu của cơ quan thuế; kết chuyển tự động thuế 133, 3331 vào cuối kỳ; Báo cáo thuế trực tiếp thông qua phần mềm; Kết nối với hóa đơn điện tử.

2.2.2.2. Chứng từ sử dụng

Phương pháp kê khai thuế GTGT mà VAC áp dụng là phương pháp khấu trừ. Vì vậy, Công ty cần có các chứng từ chứng thực quá trình mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ để được khấu trừ thuế như:

- Hóa đơn GTGT đầu vào
- Tờ kê khai thuế GTGT
- Hóa đơn khác: phiếu thu tiền bảo hiểm, vé thẻ, tem,...
- Chứng từ thu cước VCQT, chứng từ thu phí ngân hàng, phiếu thu tiền cước hàng không,...
- Bảng kê hàng hóa mua vào bao gồm thông tin về hóa đơn VAT: thông tin người bán (Mã số thuế, tên...), tên hàng hóa, số tiền, thuế suất...

2.2.2.3. Phương pháp hạch toán – ví dụ minh họa

VAC hoạt động phần lớn trong lĩnh vực giao nhận và vận chuyển hàng hóa, trong đó chiếm phần lớn là hoạt động vận chuyển quốc tế. Theo Thông tư 219/2013/TT - BTC tại điều 9 thì Danh mục hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu hoặc được coi là xuất khẩu áp dụng mức thuế suất 0%. Vì vậy, hầu hết các bút toán ghi tăng doanh thu VAC đều không ghi tăng tài khoản 33311 - Thuế GTGT phải nộp, phải nộp, hoặc ghi tăng 0 đồng cho tài khoản này.

Đối với VAC, khoản thuế GTGT đầu vào đa phần phát sinh ở quá trình chuẩn bị đưa hàng hóa ra cảng/ sân bay. Để xuất khẩu lô hàng hóa thì cần hoàn thiện một vài công việc liên quan đến giấy tờ, chứng từ và thủ tục hàng hóa với cơ quan Nhà nước. Quá trình này được bộ phận hải quan đảm nhiệm thực hiện. Các nhân viên sẽ phối hợp để hoàn thành các thủ tục liên quan bao gồm thủ tục thông quan, bộ vận đơn B/L¹, giấy kiểm định chất lượng, các loại chứng nhận xuất xứ, chứng từ về thuế,...Bộ phận này sẽ là người đảm nhận trọng trách kiểm tra, theo dõi sự lưu chuyển của hàng hóa qua các phương tiện vận tải khác nhau.

¹ B/L (Bill of lading): Vận đơn đường biển

Nếu số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ cho nhóm hàng hóa, dịch vụ chịu thuế 0% đã được công ty chi thì kế toán kết chuyển toàn bộ số thuế GTGT đầu vào sang tài khoản thuế GTGT phải nộp cho Nhà nước vào ngày cuối cùng của mỗi tháng. Kế toán lập phiếu hạch toán, tờ khai thuế GTGT và nếu cần thiết lập bảng phân bổ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ trong kỳ.

Ví dụ 1: Ngày 30/11/2022, kế toán kết chuyển số tiền 18.884.235 đồng tiền thuế GTGT được khấu trừ.

Kế toán truy cập vào Bravo và tiến hành các bước trên Bravo như sau:

Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Bravo

Bước 2: Chọn tab "Tổng hợp" trên thanh công cụ - Chọn mục "Hạch toán bút toán khóa sổ"

Bước 3: Điền các thông tin liên quan

- Chọn thời gian: 01/11/2022 – 30/11/2022
- Đối tượng: Công ty TNHH Viet Air Consol
- Nhấn chọn "Bắt đầu thực hiện"
- Chọn mục "Thuế GTGT được khấu

trừ" Bước 4: Chọn "Thực hiện khóa sổ"

Cuối tháng kế toán xác định số thuế GTGT phải nộp trong kỳ, nghiệp vụ được ghi nhận như sau:

Nợ TK 33311 : 18.884.235

Có TK 1331 : 18.884.235

(Xem chi tiết giao diện hạch toán và chứng từ ở Phụ lục 6)

2.2.3. Kế toán các khoản nợ phải thu khác

2.2.3.1. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 138 được dùng để phản ánh các khoản mục Phải thu khác tại công ty. Trên Bravo, các tài khoản cấp 2 như 13881, 13882, 13886,... được kế toán sử dụng để theo dõi chi tiết.

Để kiểm soát khoản mục Phải thu khác thì kế toán cũng sẽ cần sử dụng các kỹ thuật kiểm tra thông thường như TK 131. Ví dụ như kiểm tra chứng từ thu, chi, chứng từ hoàn ứng, chứng từ khác,... Diễn hình như nghiệp vụ thừa, thiếu quỹ tiền mặt khi kiểm kê thì biện pháp là kế toán, thủ quỹ nên kiểm kê quỹ định kì theo ngày, tuần, tháng tùy vào khối lượng giao dịch của công ty. Nhằm xác định tính hiện hữu, số dư của khoản công nợ thì kế toán có thể lập biên bản xác nhận công nợ. Ngoài ra, đối với các khoản công nợ không phát sinh giao dịch từ đầu năm nên được kiểm tra lại và tìm hiểu lí do đưa ra biện pháp giải quyết phù hợp.

2.2.3.2. Chứng từ sử dụng

Tại VAC, các khoản nợ phải thu khác phát sinh chủ yếu từ việc chi hộ cho khách hàng hoặc thu từ các khoản nợ phải thu khác hay bù trừ công nợ,. Chứng từ sử dụng bao gồm: Biên bản kiểm kê, kiểm nghiệm; Biên bản xử lý tài sản thiếu; Phiếu thu – chi; Hợp đồng vay mượn có kèm Phiếu xuất kho...

2.2.3.3. Phương pháp hạch toán – ví dụ minh họa

Một số giao dịch kinh tế thường phát sinh liên quan đến TK 138:

- Phát hiện thiếu TSCĐ hữu hình mà doanh nghiệp dùng cho hoạt động SXKD chưa tìm được nguyên nhân, chờ xử lý, ghi là:
 Nợ TK 138 - Phải thu khác (Giá trị còn lại của TSCĐ)
 Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị hao mòn)
 Có TK211 – TSCĐ (Nguyên giá)

- Khi kiểm kê phát hiện thiếu tiền mặt, vật tư, hàng hóa,....
 - Khi chưa tìm được nguyên nhân, chờ xử lý ghi nhận: Nợ TK 138 – Phải thu khác
Có TK 111, 152, 153, 155, 156
 - Đã có quyết định xử lý đối với tài sản thiếu, ghi nhận:
Nợ TK 111 – Tiền mặt
Nợ TK 1388 – Phải thu khác
Nợ TK 334 – Phải trả người lao động
Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán
Nợ TK 811 – Chi phí khác
Có TK 1381 – Tài sản thiếu chờ xử lý
- Các khoản phải thu khi chi hộ bên thứ ba và phải thu khác, ghi nhận : Nợ TK 138 – Phải thu khác
Có TK liên quan
- Các khoản nợ phải thu khác khi thu được bằng tiền, ghi nhận: Nợ TK 111, 112
Có TK 138 – Phải thu khác

Ví dụ 1: Ngày 27/12/2022, CTCP Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Tran chuyển tiền về cho VAC bằng tiền gửi Ngân hàng với số tiền là 40.000.000.000 đồng.

Căn cứ vào chứng từ kế toán sau để ghi sổ hạch toán: Giấy Báo Có VV 066/12

Khi giấy Báo Có của Ngân hàng được gửi về, kế toán nhận được và tiến hành các bước như sau:

Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Bravo

Bước 2: Vào phân hệ Kế toán Ngân hàng vào chọn Tab “ Báo có Ngân hàng”, chọn chức năng “ Thêm mới”

Bước 3: Điền thông tin liên quan:

- Chọn ngày: 27/12/2022, Số: VV066/12
- Người nộp: 0301909173 – Công ty Cổ Phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần
- Nội dung: ITL VP chuyển tiền về VAC
- Chọn Tài khoản Nợ: 11211401: Tiền gửi VAC (VND – Vietcombank)
- Chọn tài khoản ngân hàng: 0371000458184 – Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Nhập số tiền: 40.000.000.000 đồng

Bước 4: chọn “Lưu”.

Như vậy, nghiệp vụ phát sinh đã được hạch toán như sau:

Nợ TK 11211401 : 40.000.000.000

Có TK 13882: 40.000.000.000

(Xem chi tiết giao diện hạch toán và chứng từ ở Phụ lục 7)

Ví dụ 2: Ngày 27/01/2023, Công ty TNHH Viet Air Consol nhận được Giấy Báo Có từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam về việc hoàn lại tiền nộp phạt Hải quan từ Văn phòng bán vé hãng hàng không Malaysia với số tiền 7.500.000 đồng.

Căn cứ vào chứng từ kế toán sau để ghi sổ hạch toán: Giấy Báo Có MV 062/01

Khi giấy Báo Có của Ngân hàng được gửi về, kế toán nhận được và sẽ truy cập vào Bravo và tiến hành nhập liệu trên Bravo như sau:

Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Bravo

Bước 2: Vào phân hệ “Kế toán Ngân hàng” vào chọn Tab “Báo có Ngân hàng”, chọn chức năng “Thêm mới”

Bước 3: Điền thông tin liên quan:

- Chọn ngày: 27/01/2023, Số: MV062/01
- Chọn đối tượng là 0301485559 – Văn phòng bán vé hãng hàng không Malaysia Airlines Berhad tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nhập nội dung: Hoàn lại tiền nộp phạt Hải quan (Cước MH)
- Chọn Tài khoản Nợ: 11211401: Tiền gửi VAC (VND – Vietcombank)
- Chọn Tài khoản ngân hàng: 1030624941 – Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Nhập số tiền: 7.500.000

đồng Bước 4: chọn “Lưu”.

Như vậy, nghiệp vụ phát sinh đã được hạch toán như sau:

Nợ TK 11211401 : 7.500.000

Có TK 13882 : 7.500.000

(Xem chi tiết giao diện hạch toán và chứng từ ở Phụ lục 8)

Ví dụ 3: Ngày 31/12/2022, VAC chi hộ hãng MH – phí soi chiếu MH Hà Nội tháng 12/2022 với số tiền 447,687 đồng cho Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam.

Khi Giấy Báo Nợ được gửi về, kế toán sẽ tiến hành truy cập và

Bravo Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Bravo

Bước 2: Vào Tab "Chứng từ" và chọn "Bút toán bù trừ

Bước 3: Điền thông tin liên quan:

- Chọn ngày: 31/12/2022, Số: BT 006/12
- Chọn đối tượng là 030148555 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam
- Nhập nội dung: HT chi hộ Hãng MH – phí soi chiếu MH HAN T12.2022

- Chọn loại tiền thanh toán: VND
- Chọn Tài khoản ghi nợ 13882, Tài khoản ghi có 3311
- Nhập số tiền: 447,687

đồng Bước 4: chọn “Lưu”.

Như vậy, nghiệp vụ phát sinh đã được hạch toán như sau:

Nợ TK 13882: 447,687

Có TK 3311: 447,687

(Xem chi tiết giao diện hạch toán và chứng từ ở Phụ lục 9)

Ví dụ 4: Ngày 17/01/2022, VAC nhận được Giấy Báo Có từ Bệnh viện đa khoa Quốc tế Thu Cúc về việc thu lại khoản thanh toán chi phí xét nghiệm covid cho cán bộ nhân viên của VAC HAN do sai TK đơn vị hưởng với số tiền 2.337.000 đồng thông qua tài khoản Ngân hàng.

Chứng từ làm căn cứ ghi sổ hạch toán: Giấy Báo Có MV 062/01

Khi nhận được giấy Báo Có của Ngân hàng, kế toán tiến hành các bước như:

Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Bravo

Bước 2: Vào phân hệ Kế toán Ngân hàng vào chọn Tab “ Báo có Ngân hàng”, chọn chức năng “ Thêm mới”

Bước 3: Điền thông tin liên quan:

- Ngày: 17/01/2022, Số: VV079/01
- Chọn đối tượng: 0102624215-001 - Bệnh viện đa khoa Quốc tế Thu Cúc
- Nhập nội dung: Thu lại khoản thanh toán chi phí xét nghiệm covid cho cán bộ nhân viên của VAC HAN do sai TK đơn vị hưởng
- Chọn Tài khoản Nợ: 11211401: Tiền gửi VAC (VND – Vietcombank)
- Chọn Tài khoản ngân hàng: 0371000458184 – Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

- Nhập số tiền: 2.337.000

đồng Bước 4: chọn “Lưu”.

Như vậy, nghiệp vụ phát sinh đã được hạch toán như sau:

Nợ TK 11211401 : 2.337.000

Có TK 13882: 2.337.000

(Xem chi tiết giao diện hạch toán và chứng từ ở Phụ lục 10)

2.2.4. Kế toán các khoản dự phòng phải thu khó đòi

Theo Thông tư 48/2019/TT-BTC "Dự phòng phải thu khó đòi là khoản dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán."

Tuy nhiên, hiện tại tình hình kinh doanh của VAC đang trong giai đoạn ổn định và khách hàng của VAC luôn thanh toán đúng hạn, do đó Viet Air Consol hiện không có khoản DPPTKD.

Công ty không có khoản nợ phải thu khó đòi, điều này có ý nghĩa rằng công ty đã có chính sách quản lý, kiểm soát công nợ phải thu hợp lý và thực hiện công tác quản lý có hiệu quả. Việc không có khoản NPTKD cũng thể hiện sự hiệu quả trong quá trình xác định và quản lý khách hàng. Công ty đã chọn lọc khách hàng một cách cẩn thận, đảm bảo rằng các đối tác, khách hàng của VAC luôn có đủ khả năng thanh toán và sẽ thanh toán đúng hạn. Ngoài ra, Viet Air Consol cũng đưa ra các chính sách hỗ trợ khách hàng rõ nhất là chính sách chiết khấu thanh toán hợp lý và linh động.

2.2.5. Trình bày thông tin trên Báo cáo tài chính

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC thì các khoản phải thu được trình bày trên BCDKT như sau:

Mẫu số B01a DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
1.	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		16,848,915,372	16,519,150,883
2.	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8,961,985,493	5,012,512,690
3.	1. Tiền	111	V.01	8,961,985,493	5,012,512,690
4.	2. Các khoản tương đương tiền	112			
5.	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1,217,500,000	1,217,500,000
6.	1. Đầu tư ngắn hạn	121		1,217,500,000	1,217,500,000
7.	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
8.	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6,649,045,354	10,269,363,347
9.	1. Phải thu của khách hàng	131		5,743,038,980	9,292,122,675
10.	2. Trả trước cho người bán	132		256,951,878	274,708,233
11.	3. Các khoản phải thu khác	136	V.03	649,054,497	702,532,439
12.	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137			
13.	IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		20,384,526	19,774,846
14.	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
15.	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20,384,526	
16.	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		19,774,846
17.	B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		20,009,916,479	9,088,985,618
18.	I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85,121,017	85,121,017
19.	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
20.	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		85,121,017	85,121,017
21.	3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
22.	4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
23.	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
24.	II. Tài sản cố định	220		1,049,821,562	926,486,287
25.	1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	1,049,821,562	921,495,908
26.	- Nguyên giá	222		3,636,621,013	3,324,436,406
27.	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2,586,799,451)	(2,402,940,498)
28.	2. TSCĐ vô hình	227	V.09		4,990,379
29.	- Nguyên giá	228		119,769,106	119,769,106
30.	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(119,769,106)	(114,778,727)
31.	III. Bất động sản đầu tư	240	V.10		
32.	- Nguyên giá	241			

33.	- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
34.	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6,381,970,192	4,452,332,199
35.	1. Đầu tư vào công ty con	251		5,661,896,393	3,733,924,320
36.	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		720,773,333	720,773,333
37.	3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	(699,534)	(2,365,454)
38.	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259			
39.	V. Tài sản dài hạn khác	260		12,493,003,708	3,625,046,115
40.	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2,111,014,453	1,975,528,039
41.	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	261	V.21	5,033,594	5,033,594
42.	3. Tài sản dài hạn khác	268		10,376,955,661	1,644,484,482
43.	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		36,858,831,851	25,608,136,501

Hình 2.5 Bảng cân đối kế toán của VAC

Nguồn: Phòng kế toán VAC

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Tại chương này, tác giả đã trình bày các thông tin tổng quan về Viet Air Consol bao gồm các thông tin như lịch sử hình thành và phát triển, bộ máy quản lý, bộ máy kế toán, ... Tác giả cũng đã tìm hiểu và trình bày về thực trạng kế toán phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol, từ việc xử lý nghiệp vụ phát sinh và đến việc ứng dụng phần mềm Bravo vào công tác kế toán hằng ngày. Dựa vào quá trình tìm hiểu thực trạng kết hợp với kiến thức cũng như trải nghiệm khi tham gia vào công tác, tác giả đã rút ra ưu điểm và hạn chế của công tác kế toán phải thu. Để góp phần hoàn thiện công tác kế toán phải thu, tác giả đưa ra các biện pháp cụ thể và được trình bày ở chương tiếp theo.

CHƯƠNG 3 : GIẢI PHÁP GIÚP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NỢ PHẢI THU TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIET AIR CONSOL

3.1 Đánh giá về công tác kế toán nợ phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol

3.1.1. Ưu điểm trong công tác kế toán nợ phải thu:

Đầu tiên, các khoản PTKH được hạch toán theo từng đối tượng, giúp Công ty theo dõi và quản lý hiệu quả công nợ khách hàng một cách chặt chẽ. Bằng cách này, số tiền mà từng khách hàng đang nợ, thời gian nợ và các thông tin liên quan khác được kế toán xác định nhanh chóng và kịp thời. Điều này rất hữu ích để theo dõi tình trạng công nợ và thực hiện các biện pháp thu hồi khi cần thiết.

Thứ hai, Công ty cũng đã thiết lập được chính sách bán hàng hiệu quả và hệ thống đánh giá tài chính và phân loại khách hàng. Kết quả của việc tạo lập được chính sách của riêng mình và có hiệu suất đó là có thể thu hút khách hàng tiềm năng nhưng duy trì được lượng khách hàng cũ, từ đó giảm thiểu nguy cơ NPTKĐ. Hệ thống đánh giá tài chính và phân loại khách hàng sẽ giúp Công ty đánh giá khả năng thanh toán của từng khách hàng và phân loại theo mức độ rủi ro. Điều này cho phép Công ty tập trung công sức và tổ chức các biện pháp thu hồi tiền một cách hiệu quả cho các khách hàng có nguy cơ nợ cao hơn.

Ngoài ra, sự phối hợp của nhiều phòng ban để tối ưu hiệu quả thu nợ. Việc thu hồi công nợ không chỉ là nhiệm vụ của riêng phòng ban kế toán mà các phòng ban khác như bộ phận kinh doanh, chăm sóc khách hàng cũng là đầu mối quan trọng bởi họ chính là người tương tác, trao đổi với khách hàng trực tiếp nhất. Công ty cũng đã áp dụng linh hoạt và tận dụng triệt để các cơ hội và các hình thức thu nợ như việc gửi mail, gọi điện,....

Cuối cùng, chính là việc áp dụng phần mềm Bravo vào công tác quản lý thay vì tự mình ghi chép, lưu trữ theo phương pháp truyền thống. Từ đó, giúp rút ngắn thời gian, chi phí với các tính năng cơ bản và nâng cao việc quản lý, kiểm soát công

nợ. Công ty ứng dụng Bravo sẽ giúp kế toán thuế rút ngắn thời gian nộp thuế cũng như hạn chế sai sót, mang lại hiệu quả tối đa khi lập báo cáo nộp cho Tổng cục thuế của kế toán viên.

3.1.2. Hạn chế trong công tác kế toán nợ phải thu:

Trong quá trình tìm hiểu về thực trạng công tác kế toán nợ phải thu tại Viet Air Consol, tác giả nhìn thấy các công tác kế toán nợ đã có trật tự và tuân thủ các quy định của Nhà nước và của BTC và thỏa mãn được các nhu cầu quản lý của doanh nghiệp. Nhưng trong công tác kế toán phải thu vẫn còn một số bất cập.

Với mẫu sổ chi tiết tại Viet Air Consol chỉ ghi nhận số tiền mà khách còn nợ nhưng không đề cập đến thời gian thanh toán hay thời gian chiết khấu của khách hàng. Hình 3.1 Sổ chi tiết công nợ PTKH ở ví dụ 1 về khoản nợ PTKH được trình bày ở phần trên có thể thấy mẫu sổ chi tiết của đơn vị không ghi nhận thời gian thanh toán và thời gian chiết khấu. Điều này, gây ra khó khăn trong công tác quản lý và kiểm soát công nợ phải thu. Tuy với tình hình hiện tại công ty đang quản lý và kiểm soát tốt công nợ phải thu nhưng nó vẫn tạo ra một số bất lợi đến công tác kế toán nợ phải thu chẳng hạn như dẫn đến việc tra cứu, tìm lại chứng từ để xác định thời hạn thanh toán khiến mất nhiều thời gian.

Đơn vị: Công ty TNHH Việt Air Consol
Địa chỉ: 52 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

(Dùng cho các TK: 136, 138, 141, 157, 161, 171, 221, 222, 242, 244, 333, 334,
335, 336, 338, 344, 352, 353, 356, 411, 421, 441, 461, 466, ...)

Tài khoản: 131 Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Chi nhánh Công ty TNHH Expeditors Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Loại tiền: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ				13.540.000	
			Số phát sinh trong kỳ					
10/12	BCVV036/11	10/12	Thu cước VCQT HD 00000967	11211401	0	4.018.453	9.521.467	0
19/12	HD00001010	19/12	Cước VCQT VN HAN 01-15/12/2022	5113012	6.108.265	0	15.629.812	0
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Số phát sinh trong kỳ		52.970.000	37.650.000		
			Số dư cuối kỳ				15,320,000	

Ngày mở sổ: 01/12/2022

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Sổ chi tiết TK 131 - Công ty TNHH Expeditors Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Hình 3.1 Sổ chi tiết công nợ PTKH tại VAC

Nguồn Phòng kế toán VAC

Hóa đơn đóng vai trò chủ chốt với kế toán nợ phải thu đi cùng với sự phát triển của công nghệ thì hóa đơn điện tử ra đời. Và hóa đơn điện tử mang tính chất pháp lý tương đương với hóa đơn truyền thống. Hóa đơn điện tử sẽ cung cấp thông tin liên quan đến giao dịch cũng là cơ sở ghi nhận và xác nhận công nợ, là bằng chứng rõ ràng về khoản nợ phải thu của doanh nghiệp. Tuy nhiên để tra cứu và sử dụng hóa đơn điện tử do VNPT cung cấp cần được kết nối Internet mà nhược điểm là phụ thuộc nhiều vào vấn đề đường truyền (về tốc độ, độ ổn định,...). Không chỉ vậy, phần mềm Bravo mà doanh nghiệp đang sử dụng hoạt động dựa trên cơ chế kết nối Internet. Ngoài ra, hệ thống mạng còn phục vụ cho nhiều bộ phận khác do đó xuất hiện tình trạng tắc nghẽn, sự cố về đường truyền thì sẽ ảnh hưởng đến cả tiến trình làm việc, công việc bị đình trệ.

Do tính chất công việc nên Công ty thường xuyên có các giao dịch ngoại tệ với đối tác quốc tế nên đôi khi sẽ gặp phải một số hạn chế đối với công tác xác định giá trị nợ phải thu của khách hàng quốc tế. Giao dịch với khách hàng quốc tế có thể mang đến những rủi ro tài chính bởi tỷ giá ngoại tệ. Tác động phải kể đến đó là vấn đề hạch toán chênh lệch tỷ giá. Trong kỳ kế toán, công ty có thể phát sinh nhiều giao dịch ngoại tệ, hơn nữa có thể liên quan tới nhiều loại ngoại tệ khác nhau, trong khi đó tỷ giá của mỗi ngoại tệ lại khác nhau và thường xuyên biến động, do đó đã gây khó khăn cho kế toán trong việc phản ánh và theo dõi. Bên cạnh đó, việc thu tiền và xử lý thanh toán với khách hàng quốc tế có thể phức tạp hơn so với giao dịch trong nước.

3.2 Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nợ phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol

Nhằm đáp ứng mục tiêu cụ thể là đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác kế toán phải thu căn cứ vào những điểm yếu kém trong công tác kế toán được trình bày ở cuối chương 2, tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

Thứ nhất là cập nhật, bổ sung cho sổ chi tiết công nợ. Sổ chi tiết là hình thức giúp theo dõi công nợ theo từng đối tượng cụ thể và tách biệt. Dựa vào đó, người

quản lý biết được công nợ của từng đối tác với mình ra sao để thanh toán/thu hồi. Việc thiết kế các mẫu sổ cần phải thích hợp với đặc trưng ngành nghề của doanh nghiệp. Đối với VAC, mẫu sổ chi tiết công nợ cũ không có cột ghi nhận kỳ hạn thanh toán và ngày thanh toán đối với từng khách hàng hay từng hợp đồng. Công ty nên cập nhật mẫu sổ chi tiết có bổ sung kỳ hạn thanh toán và ngày thanh toán. Tác giả đề xuất mẫu sổ chi tiết công nợ phải thu theo hình 3.1.

SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ PHẢI THU

Từ ngày ... đến ngày....

Đối tượng:..... Mã khách hàng:.....

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Thời hạn được chiết khấu	Mức chiết khấu (%)	Ngày đáo hạn	Ngày thanh toán	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Số	Ngày							Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
		Dư đầu kỳ									
		Phát sinh trong kỳ									
											
		Dư cuối kỳ									

Ngày....tháng....năm....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hình 3.2 Sổ chi tiết công nợ phải thu đề xuất

Việc bổ sung thêm hai mục trên giúp kế toán có thể dễ dàng rà soát các khoản nợ phải thu hơn bao giờ hết. Bổ sung mục kỳ hạn thanh toán sẽ giúp kế toán dễ dàng cập nhật các khoản nợ sắp đến và đã đến hạn thanh toán. Khi đó việc đôn đốc thu hồi công nợ trước hạn diễn ra dễ dàng và nhanh chóng, từ đó giúp doanh nghiệp không bị chiếm dụng vốn bởi khách hàng. Còn việc bổ sung mục ngày thanh toán giúp kế toán thuận tiện hơn trong việc xác định mức và tính toán khoản chiết khấu, giúp cải thiện dòng tiền và rủi ro về các khoản nợ phải thu. Việc giải quyết sớm chiết khấu cho khách hàng là điều kiện thu hút khách hàng và khiến họ chi trả trước hạn.

Thứ hai là nâng cấp cơ sở hạ tầng, hệ thống mạng. Khi hạch toán các nghiệp vụ phải thu thì hóa đơn điện tử là cần thiết mà hóa đơn điện tử cần có kết nối Internet. Bên cạnh đó, còn có phần mềm Bravo với cơ chế hoạt động kết nối Internet. Từ đó kế toán công nợ bị phụ thuộc vào Internet. Tuy nhiên hệ thống Internet là nhược điểm có thể khắc phục bằng việc nâng cấp cơ sở hạ tầng. Công ty có thể nâng cấp gói dịch vụ Internet hoặc chuyển qua đơn vị cung cấp tốt hơn. Ngoài việc tăng cường tốc độ và khả năng truy cập Internet, công ty cũng cần đảm bảo an toàn và bảo mật mạng.

Cuối cùng, nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn cho nhân viên. Phần lớn Viet Air Consol hoạt động trong thị trường xuất – nhập khẩu nên việc phát sinh các giao dịch ngoại tệ là điều không thể tránh khỏi. Việc hạch toán các giao dịch ngoại tệ tương đối phức tạp nên và nhằm đảm bảo công tác hạch toán nhất là khoản nợ phải thu ngoại tệ. Đối với các khoản nợ phải thu bằng ngoại tệ, công ty phải đánh giá lại số dư cuối năm của các loại ngoại tệ, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được hạch toán vào thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính. VAC nên định kì tổ chức các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sẽ giúp kế toán viên nâng cao kiến thức, tiếp cận và làm chủ kiến thức trong lĩnh vực, đặc biệt là kiến thức liên quan đến các giao dịch quốc tế. Đồng thời, Công ty cũng phải đảm bảo cho kế toán nắm rõ các quy định hiện hành. Ngoài ra, Công ty giúp nhân viên có thêm cơ hội tiếp cận và làm quen với những phương pháp và kỹ thuật mới trong công việc, đảm bảo sự chuẩn xác trong việc ghi nhận và báo cáo các giao dịch ngoại tệ. Điều này, giúp tránh gây rủi ro ảnh hưởng đến doanh nghiệp và đảm bảo rằng công tác kế toán ngoại tệ được thực hiện một cách chính xác và hiệu quả.

Tóm lại, việc hạch toán chênh lệch tỷ giá là một vấn đề phức tạp đòi hỏi phải có sự hướng dẫn cụ thể và thống nhất nhằm đảm bảo cho công ty có thể xử lý, hạch toán chính xác các giao dịch nghiệp vụ liên quan chênh lệch tỷ giá nhằm giúp cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin có được thông tin trung thực, tin cậy về tình hình tài chính của đơn vị phục vụ cho việc ra quyết định và các quyết định đầu tư được đúng đắn và hiệu quả.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Ở chương 2, qua quá trình tìm hiểu và phân tích thực trạng công tác kế toán tại Công ty TNHH Viet Air Consol, tác giả đã nêu lên ưu điểm, hạn chế trong kế toán nợ phải thu tại VAC. Từ những phân tích trên, tác giả đưa ra giải pháp để Công ty TNHH Viet Air Consol có thể hoàn thiện công tác kế toán phải thu. Các giải pháp được đề xuất trên chỉ mang tính tham khảo. Quý công ty có thể tùy chỉnh những giải pháp trên để thích hợp với hoàn cảnh và mục đích của mình.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường cạnh tranh và ngày càng năng động và với ưu thế ITL là công ty mẹ, Viet Air Consol đã và đang tận dụng cơ hội và ưu thế này để khẳng định mình trên thị trường Logistics. Vận dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn đã không còn quá xa lạ trong thời đại công nghiệp 4.0, nhất là đối với lĩnh vực kế toán đang trong giai đoạn chuyển đổi hình thức kế toán truyền thống sang kế toán máy. Tuy nhiên, công ty sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức trên hành trình chuyển đổi này và phải không ngừng nỗ lực tìm cách vượt qua. Bên cạnh đó, vấn đề quản lý công tác hạch toán nợ phải thu cũng là điều cần lưu tâm đối với kế toán. Doanh nghiệp sẽ nắm được quyền làm chủ đối với tình hình kinh doanh và có khả năng khai thác tối đa cơ hội đến với doanh nghiệp nếu doanh nghiệp có khả năng quản trị tốt kế toán.

Kết quả nghiên cứu của bài luận đã thể hiện được cho thấy rõ nét về tình trạng công tác kế toán phải thu của một doanh nghiệp thương mại, cụ thể là Công ty TNHH Viet Air Consol. Việc nghiên cứu các khoản nợ phải thu cũng tạo tiền đề cho các công ty hiểu được điểm mạnh và điểm yếu của chính mình, từ đó phát huy ưu thế của bản thân và cải thiện các khiếm khuyết trong công tác kế toán của bản thân. Thông qua việc phân tích, tác giả đã có sự nhìn nhận rõ ràng hơn về công tác kế toán các khoản nợ phải thu và áp dụng hiểu biết của mình nhằm rút ra kiến nghị và các biện pháp nhằm hoàn chỉnh công tác kế toán phải thu ở Công ty TNHH Viet Air Consol. Tuy nhiên, các ý kiến đề xuất trên chưa phải là giải pháp tối ưu cho những khuyết điểm đang còn tồn đọng tại VAC nhưng tác giả mong rằng sự đóng góp này sẽ có ích cho việc hoàn thiện công tác kế toán phải thu tại Công ty TNHH Viet Air Consol.

Do có sự hạn chế về thời gian và khả năng tiếp cận, thu thập dữ liệu cũng như kỹ năng nghiên cứu nên đề tài không thể tránh khỏi sự thiếu sót và hạn chế. Tác giả hy vọng quý thầy cô có thể góp ý và gợi mở về những hướng nghiên cứu phù hợp giúp đề tài được hoàn thiện và có giá trị thực tế hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính 2013, *Thông tư 219/2013/TT-BTC: Hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng*, ban hành và công bố ngày 31 tháng 12 năm 2013.
2. Bộ Tài chính 2013, *Thông tư 78/2014/TT-BTC: Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp*, ban hành và công bố ngày 18 tháng 06 năm 2014.
3. Bộ Tài Chính 2014, *Thông tư 200 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, ban hành và công bố ngày 22 tháng 12 năm 2014.
4. Bộ Tài chính 2019, *Thông tư số 48/2019/TT-BTC về Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp*, ban hành và công bố ngày 08 tháng 08 năm 2019.
5. Nguyễn Quỳnh Hoa 2018, *Giáo trình Kế toán Tài chính 1 (Doanh nghiệp sản xuất)*, Nhà xuất bản Tài chính, TP. HCM.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Hệ thống một số TK sử dụng tại công ty

Số hiệu tài khoản theo TT 200	Số hiệu tài khoản sử dụng tại công ty	Tên tài khoản
111		Tiền mặt
112	112	Tiền gửi ngân hàng
	11211401	Tiền gửi - VAC (VND – Vietcombank)
	11221401	Tiền gửi - VAC (USD – Vietcombank)
	11211402	Tiền gửi – VAC (VND – HSBC)
	11211403	Tiền gửi – VAC (VND – ACB)
131	131	Phải thu của khách hàng
	13111	Phải thu của khách hàng - VND (theo khách hàng và hóa đơn)
	13121	Phải thu của khách hàng - USD (theo khách hàng và hóa đơn)
	13113	Phải thu của khách hàng - VND (UPS)
	13114	Phải thu của khách hàng - Ứng trước (VND)
133	133	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ
	1331	Thuế VAT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ

	1332	Thuế VAT được khấu trừ của TSCĐ
136		Phải thu nội bộ
138	138	Phải thu khác
	1381	Tài sản thiếu chờ xử lý
	1385	Phải thu về cổ phần hóa
	1387	Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai
	1388	Phải thu khác
	13881	Phải thu khác theo đối tượng và hạn thanh toán
	13882	Phải thu khác theo đối tượng và không theo hạn thanh toán
	13883	Thu chi hộ có xuất hóa đơn
	13884	Phải thu khác cho doanh thu trích trước
	13885	Phải thu khác - UPS
	13886	Chi hộ chưa lên billing - (theo mã số phần ghi chú
3331	33311	Thuế GTGT đầu ra
511		Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ
5113		Doanh thu cung cấp dịch vụ
	511302111	Doanh thu cước vận chuyển quốc tế - Air
	511302121	Doanh thu dịch vụ - Air
	511302211	Doanh thu cước vận chuyển quốc tế - Sea

	511302221	Doanh thu dịch vụ - Sea
	51130231	Doanh thu phí dịch vụ làm hàng OPS
	51130232	Doanh thu cước vận chuyển OPS
	511311	Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê kho + văn phòng
	5213	Hàng bán bị trả lại

Phụ lục 2. Giao diện hạch toán và chứng từ của khoản PTKH_Ví dụ 1

Dữ liệu

Tùy chọn

Đăng nhập

Đăng

A21_ImportDi

TRẠNG THÁI C...

Chờ duyệt

Đã duyệt, chờ hoàn thiện

Hoàn thiện vật tư, chưa định khoản

Đã hoàn thiện

Đã khóa

Đã hủy

CÔNG CỤ NHẬP...

Chọn chứng từ ứng trước

Xem tồn kho tức thời

Tính chiết khấu

Lấy thông tin điều chỉnh

LỖI NHẬP LIỆU...

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

1. Ngành AVI

2. Ngày 19/12/2

Mẫu 1/001

Số 00001010

Seri C22TAA

3. Đối tượng 0312545104-001: ...ng Ty TNHH Expeditors Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

8. Tk nợ 13111: ...D (theo khách hàng & hóa đơn)

4. Họ và tên Chi nhánh Công Ty TNHH Expeditors Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

9. Nhân viên

5. Địa chỉ Tầng 10, tòa nhà TNR Tower, số 54A đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng

6. Vùng tiêu thụ

6. Giao dịch 2301: Bán hàng công nợ(Credit sales)

7. Nội dung Cước vận chuyển quốc tế VN HAN 01-15/12/2022

j. Hình thức TT CK

k. Mã tiền tệ VND

1.00

Vật tư	Tên vật tư	Đơn vị tính	Tk có	Sản phẩm	Khoản mục	Ngành HT	Mã xe	Job HT	Master No	Entry No	Tài sản
1	AVI046	Cước vận chuyển quốc tế VN HAN	Lô	5113012		AVI		7385402			

I. Chi tiết

m. Ứng trước

n. Chiết khấu thương mại

o. Hạn toán 30 đến 18/01/2

p. Chiết khấu% 0.0 %

q. Biến số xe

Xem rút gọn

Tiền hàng 6,108,265

Chiết khấu 0

VAT (0 %) 0

Tổng cộng 6,108,265

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Loại thuế R00: ...u ra 0% (xuất khẩu)

tk nợ 13111: ...hàng & hóa đơn

tk có 33311: Thuế GTGT đầu ra

Tên Đt Chi nhánh Công Ty TNHH Expeditors Việt Nam - Chi nhánh Hà N

MST 0312545104-001

Nội bộ (HT)

Lưu và thêm mới

Lưu và quay ra

Hủy bỏ

In sau khi đã lưu dữ liệu

Đã tải xong

192.168.0.13,1433 - B7R2_INDOT...

Công ty TNHH Viet Air Consol

2023

INTERNVAC-AR



CÔNG TY TNHH VIET AIR CONSOL

Mã số thuế: 0314232322

Địa chỉ/Address: 52 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM, Việt Nam

Điện thoại/ Tel: 84-8-3948 6888 Fax: +84-8-3948 6892

Số: 00001010

Ngày: 19/12/2022

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN

Kèm theo hóa đơn số: 00001010, ngày 19 tháng 12 năm 2022

Họ tên người mua hàng/ Customer's name:

Tên đơn vị / Company name: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH EXPEDITORS VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ / Address: Tầng 10, tòa nhà TNR Tower, số 54A đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0312545104-001

Hình thức thanh toán (Payment Method): CK

Số tài khoản / Account No.:

Stt	Tên dịch vụ - hàng hóa	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Thuế suất	Tiền thuế	Tổng tiền
1	1 Cước vận chuyển quốc tế VN HAN 73854029463	Lô	1.00	6,108,265	6,108,265	0	0	6,108,265
Tổng Cộng (Total due):					6,108,265		0	6,108,265

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Sáu triệu một trăm lẻ tám ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng chẵn

Người mua hàng (Buyer)

Ký, ghi rõ họ tên

Sign & full name

Bán hàng qua điện thoại

Người bán hàng (Seller)

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên

Sign, stamp & full name

Hồ Thị Thanh Nguyễn

Số tài khoản (Account No): 0371000458184 (VND) Tại Ngân hàng Vietcombank - CN Tân Định

Mã CQT (Code): 0094FBC507AB7C47588DB101572294E86B

Loại hoá đơn (*Current Unit*):

SỐ TIỀN BẢNG CHỮ (*In words*): Sáu triệu một trăm lẻ tám ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng chẵn

Signature Valid
K:KHOE CÔNG TY TNHH VIỆT AIR CONSOLE
Ngày: 19/12/2022 18:27:13

Đơn vị: Công ty TNHH Việt Air Consol
Địa chỉ: 52 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

(Dùng cho các TK: 136, 138, 141, 157, 161, 171, 221, 222, 242, 244, 333, 334,
335, 336, 338, 344, 352, 353, 356, 411, 421, 441, 461, 466, ...)

Tài khoản: 131 Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Chi nhánh Công ty TNHH Expeditors Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Loại tiền: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ				13.540.000	
			Số phát sinh trong kỳ					
10/12	BCVV036/11	10/12	Thu cước VCQT HD 00000967	11211401	0	4.018.453	9.521.467	0
19/12	HD00001010	19/12	Cước VCQT VN HAN 01- 15/12/2022	5113012	6.108.265	0	15.629.812	0
...	...		...	...	...	...	...	...
			Số phát sinh trong kỳ		52.970.000	37.650.000		
			Số dư cuối kỳ				15,320,000	

Ngày mở sổ: 01/12/2022

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Sổ chi tiết TK 131 - Công ty TNHH Expeditors Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Phụ lục 3: Giao diện hạch toán và chứng từ của khoản PTKH_Ví dụ 2:

Dữ liệuTùy chọn

Đăng

Invoice

HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI

1. Ngành: AVI2. Ngày: 07/11/2023Mẫu: 1/0023. Số: 000003344. Seri: C22TBB

TRẠNG THÁI C...

Chờ duyệt

Đã duyệt, chờ hoàn thiện

Hoàn thiện vật tư, chưa định khoản

Đã hoàn thiện

Đã khóa

Đã hủy

CÔNG CỤ NHẬP...

Lấy chỉ tiết hóa đơn bán hàng

Lấy chỉ tiết hóa đơn xuất khẩu

Trừ công nợ hóa đơn (đầu kỳ)

Trừ công nợ hóa đơn

Trừ công nợ hóa đơn xuất khẩu

Xem tồn kho tức thời

Trừ công nợ hóa đơn (H1)

5. Đối tượng: 0107500118: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP TIẾP VẬN VIỆT

6. Họ và tên: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP TIẾP VẬN VIỆT

7. Địa chỉ: Số 9, ngách 219/61, Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Th

8. Vùng:

9. Giao dịch: 2107: Nhập lại hàng bán trả lại(Record returned goods)

a. Tk có: 13111: Phải thu của khách hàng - VND (theo khách hàng & hóa đơn)

b. Nội dung: Điều chỉnh giảm hóa đơn số 00000120, mẫu số 1, ký hiệu C22TBB, ngày 05/10/2022 lô hàng 23254562723

c. Trạng thái HĐĐT: 1: Đã phát hành

d. Nhân viên:

e. Bộ phận: VACMHAN: MH - HAN

g. Sản phẩm:

m. HĐĐT theo ngoại tệ:

n. Chọn thông tin KH cho HĐĐT: 2: Lấy tên đối tượng

o. Email gửi HĐĐT: cs@vls-corp.com,mgnt@vls-c

p. Loại tiền: VND1.00

Vật tư	Tên vật tư	Đơn vị tính	Tk nợ	Khoản mục	Ngành HT	Mã xe	Job ID	Số Bill	Số TK	Tài sản	Kho	Số lư
1	AVI047	Điều chỉnh giảm hóa đơn số 0000C lô	5113012	AVI	2325456							

Điều chỉnh giảm hóa đơn số 00000120, mẫu số 1, ký hiệu C22TBB, ngày 05/10/2022 lô hàng 23254562723

q. Hạch toán

r. Hóa đơn

Loại thuế: R00: ...(xuất khẩu)tk nợ: 33311: Thuế GTGT đầu ra

tk có: 13111: ...o khách hàng & hóa đơn

Tiền hàng: 13,116,212

Người mua: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP TIẾP VẬN VIỆT

MST: 0107500118

VAT (0 %): 0

Ngày: 07/11/22Số: 00000334Mẫu số: 1/002Seri: C22TBBHạn Tt: 0

Tổng cộng: 13,116,212

Nội bộ (HT)

s. Kèm theo

Lưu và thêm mới

Lưu và quay ra

Hủy bỏ

In sau khi đã lưu dữ liệu

Đã tải xong192.168.0.13,1433 - B7R2_INDOT... Công ty TNHH Viet Air Consol2023INTERNVAC-AR

HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI
(SALES RETURN)

Người mua (Buyer name): CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP TIẾP VẬN VIỆT
Đơn vị (Organization): CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP TIẾP VẬN VIỆT (0107500118)
Địa chỉ (Address): Số 9, ngách 219/61, Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội,
Mã số thuế (Tax Code): 0107500118 Hình thức thanh toán (Payment Method):
Kho (Warehouse): ()

STT (No.)	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ (Item)	ĐVT (Unit)	SỐ LƯỢNG (Quantity)	ĐƠN GIÁ (Unit price)	THÀNH TIỀN (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Điều chỉnh giảm hóa đơn số 00000120, mẫu số 1, lô ký hiệu C22TBB, ngày 05/10/2022 lô hàng 23254562723		1.00	13,116,212.00	13,116,212
Tiền hàng (Amount):					13,116,212
Thuế suất GTGT (VAT): 0					0
Thuế GTGT (VAT):					0
Tổng thanh toán (Grand Total):					13,116,212
Viết bằng chữ (Amount in words): Mười ba triệu một trăm mười sáu ngàn hai trăm mười hai đồng chẵn (Thirteen Million One Hundred Sixteen Thousand Two Hundred Twelve s)					

Người mua hàng
(Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign, full name)

Thủ kho
(Store - keeper)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign, full name)

Kế toán trưởng
(Chief Accountant)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign, full name)

Giám đốc
(Director)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, full name, stamp)

Đơn vị: Công ty TNHH Việt Air Consol
Địa chỉ: 52 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

(Dùng cho các TK: 136, 138, 141, 157, 161, 171, 221, 222, 242, 244, 333, 334,
335, 336, 338, 344, 352, 353, 356, 411, 421, 441, 461, 466, ...)

Tài khoản: 131 Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty Cổ phần Giải Pháp Tiếp Vận Việt

Loại tiền: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ				22.034.000	
			Số phát sinh trong kỳ					
07/11	PK022/11	07/11	Điều chỉnh giảm hóa đơn số 00000120	5113012	0	13.116.212	8.917.778	0
09/11	BCHSV013/11	09/11	Thu cước VCQT HĐ 00000870	11211402	0	5.413.790	3.503.998	0
...	...		...	...	...	...	...	...
			Số phát sinh trong kỳ		108.492.000	80.127.890		
			Số dư cuối kỳ				28.364.110	

Ngày mở sổ: 01/11/2022

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 11 năm 2022
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Sổ chi tiết TK 131 - CTCP Giải Pháp Tiếp Vận Việt

Phụ lục 4: Giao diện hạch toán và chứng từ của khoản PTKH_Ví dụ 3:

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Đơn vị	Ghi chú
	Nợ	Có			
Thanh toán cước VCQT theo Hợp đồng số 00000170	11211401	13111	41.202.325	VND	
Tổng cộng			41.202.325		
Ngày 28 tháng 02 năm 2022					
Người lập phiếu			Kế toán trưởng		
(ký, họ tên)			(ký, họ tên)		

BC.VV.094 102

Vietcombank NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN
CHI NHÁNH TÂN ĐỊNH
Địa chỉ: Số 72, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường 06,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
MST NH: 0100112437-042

GIẤY BẢO NỢ/CÓ
(Không phải hóa đơn GTGT)
Ngày (Date): 28/02/2022
(Liên 1: lưu, Liên 2: KH)
Số Chứng Từ - Doc No: 2802225009.091393

Người ra lệnh	Người hưởng
Họ tên : CTY TNHH TOAN CAU KHAI MINH	Họ tên : CT TNHH VIET AIR CONSOL
Số TK : 14021403637017	Số TK : 0371000458184
Địa chỉ :	Địa chỉ :
MST/Số CMT : Ngày cấp : Tại ngân hàng : NHTMCP Ky Thuong VN HCM	MST/Số CMT : Ngày cấp : Tại ngân hàng : NH TMCP Ngoại thương Viet Nam - CN TAN DINH
Số tiền nợ : 41.202.325,00 (bằng chữ) : Bốn mươi một triệu hai trăm linh hai ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng	Số tiền có : 41.202.325,00 (bằng chữ) : Bốn mươi một triệu hai trăm linh hai ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng
Số phí : 0,00 Thuế VAT : 0,00	Loại tiền: VND Loại tiền:

Tỷ giá :
Nội dung : SHGD:10001271.DD:220228.B0:CTY TNHH TOAN CAU KHAI MINH.Remark:1GPAY2202365/1KA22020009/7385237917 6/1KA22020014/1KA22020032/1KA220200 44
Ngân hàng gửi : NHTMCP Ky thương VN (Techcombank)

Cập nhật báo có ngân hàng

Không được sửa đổi dữ liệu không thuộc kỳ hạch toán của năm làm việc hiện thời hoặc kỳ hạch toán đã khóa

Dữ liệu

Tùy chọn

Nhập liệu

Đóng

Layout1

TRẠNG THÁI C...

Chờ duyệt

Đã duyệt, chờ hoàn thiện

Đã hoàn thiện

Đã khóa

Đã hủy

CÔNG CỤ NHẬP...

Lấy hóa đơn thu tiền ngay

Xem số dư tài khoản

LỖI NHẬP LIỆU...

BÁO CÓ NGÂN HÀNG

1. Ngành

AVI: ...ng

2. Ngày

28/02/22

3. Số

VV094/02

4. Người nộp

0103076466: CÔNG TY TNHH TOÀN CẦU KHẢI MINH

5. Họ và tên

CÔNG TY TNHH TOÀN CẦU KHẢI MINH

6. Địa chỉ

Số 99, Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

7. Ghi chú

Thu cước VCQT HĐ 00000170

8. Nhân viên

h. Tk nợ

11211401: ...- Viet Air Consol - Vietcombank

i. Loại tiền

VND

1.00

	Giao dịch	Tk có	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Bộ phận	Khế ước	Ngành HT	Mã xe	Job ID	Số Bill	Tờ khai	Tài sản	Tiền VND	Giá trị còn lại
1	1102	13111	0103076					AVI						41,202,325	0

j. Hạch toán

k. Hóa đơn VAT

l. Chứng từ đi kèm

Nội bộ (HT)

m. Kèm theo

n. Tài khoản nhận

0371000458184: ...ng Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam

o. Ngân hàng

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam

chứng từ gốc

VCB0371000458184: ...

Thành tiền

41,202,325

Tiền VAT

0

Tổng cộng

41,202,325

Lưu và thêm mới

Lưu và quay ra

Hủy bỏ

☐ In sau khi đã lưu dữ liệu

Đã tải xong

192.168.0.13,1433 - B7R2_INDOT...

Công ty TNHH Viet Air Consol

2023

INTERNVAC-AR

BÁO CÓ TIỀN GỬI

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Số: VV094/02

Nợ: 11211401 41.202.325

Có: 13111 41.202.325

Họ tên người nộp tiền: CÔNG TY TNHH TOÀN CẦU KHẢI MINH

Địa chỉ: Số 99, Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà

Lý do: Thu cước VCQT HĐ 00000170

Số tiền: 41.202.325 VND (Viết bằng chữ): Bốn mươi một triệu hai trăm lẻ hai ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng chẵn

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Hồ Thị Thanh Nguyên

Đơn vị: Công ty TNHH Việt Air Consol
Địa chỉ: 52 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

(Dùng cho các TK: 136, 138, 141, 157, 161, 171, 221, 222, 242, 244, 333, 334, 335, 336, 338, 344, 352, 353, 356, 411, 421, 441, 461, 466, ...)

Tài khoản: 131 Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH Toàn cầu Khải Minh

Loại tiền: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ				19.670.650	
			Số phát sinh trong kỳ					
04/02	HD00000252	04/02	Cước VCQT theo HD00000252	5113012	86.218.093	0	105.888.743	0
28/02	BCVV094/02	28/02	Thu cước VCQT theo HD00000170	11211401	0	41.202.325	64.686.418	0
...	...		...	...	...	...	...	...
			Số phát sinh trong kỳ		128.959.000	87.034.000		
			Số dư cuối kỳ				41.925.000	

Ngày mở sổ: 01/02/2022

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 28 tháng 02 năm 2022
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Sổ chi tiết TK 131 - Công ty TNHH Toàn cầu Khải Minh



CÔNG TY TNHH VIET AIR CONSOL
Mã số thuế: 0314232322
Địa chỉ/Address: 52 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM, Việt Nam
Điện thoại/ Tel: 84-8-3948 6888 Fax: +84-8-3948 6892

Số: 00000170
Ngày: 19/02/2022

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN

Kèm theo hóa đơn số: 00000170, ngày 19 tháng 02 năm 2022

Họ tên người mua hàng/ Customer's name:

Tên đơn vị / Company name: CÔNG TY TNHH TOÀN CẦU KHÁI MINH

Địa chỉ / Address: Số 99, Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế (Tax code): 0103076466

Hình thức thanh toán (Payment Method):

CK

Số tài khoản / Account No.:

Str.	Tên dịch vụ - hàng hóa	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Thuế suất	Tiền thuế	Tổng tiền
1	1 Cước vận chuyển quốc tế VN HAN 73852379176	Lô	1.00	22,258,122	22,258,122	0	0	22,258,122
2	2 Cước vận chuyển quốc tế VN HAN 73852381593	Lô	1.00	5,625,312	5,625,312	0	0	5,625,312
3	3 Cước vận chuyển quốc tế VN HAN 73851543715	Lô	1.00	3,196,822	3,196,822	0	0	3,196,822
4	4 Cước vận chuyển quốc tế VN HAN 73852380790	Lô	1.00	3,982,854	3,982,854	0	0	3,982,854
5	5 Cước vận chuyển quốc tế VN HAN 73852381195	Lô	1.00	6,139,215	6,139,215	0	0	6,139,215
Tổng Cộng (Total due):					41,202,325		0	41,202,325

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi một triệu hai trăm lẻ hai ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng chẵn

Người mua hàng (Buyer)
Ký, ghi rõ họ tên
Sign & full name

Người bán hàng (Seller)
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên
Sign, stamp & full name

Bán hàng qua điện thoại

Hồ Thị Thanh Nguyên

Địa chỉ (Address): 52 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại (Tel): 84-28-3948 6888
Mã số thuế (VAT code): **0314232322**
Số tài khoản (Account No): 0371000458184 (VND) Tại Ngân hàng Vietcombank - CN Tân Định

Số (No.): 00000170

Ma COT (Code): 00468A38393981416EA7AAC1BB0F2824B5

Loại hoá đơn (Current Unit):

Người mua hàng (*Buyer*)
Chữ ký số (*Digital signature*)

Cơ quan thuế (Tax department)
 Chữ ký số (Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
Chữ ký số (Digital signature)

Signature Valid

Ký: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=BỘ TÀI
CHÍNH L=Hà Nội, C=VN
Ký ngày: 19/02/2022 18:16:34

Signature Valid

KY SỞ CÔNG TY TNHH VIỆT AIR CONSOL
Ngày: 19/02/2022 18:15:42



NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN
CHI NHÁNH TRỤ SỞ CHÍNH
Địa chỉ: 19B Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
MST NH: 0100112437

GIẤY BẢO NỢ/CÓ

(Không phải hóa đơn GTGT)

Ngày (Date): 31/01/2023

(Liên 1: Lưu, Liên 2: KH)

Số Chứng Từ - Doc No: 310123.5009.093354

Người ra lệnh	Người hưởng
Họ tên : CHI NHANH CÔNG TY TNHH YUSEN LOGISTICS (VIET NAM) TẠI TPHCM	Họ tên : CT TNHH VIET AIR CONSOL
Số TK : 3640VNDORD246921	Số TK : 0001030624941
Địa chỉ :	Địa chỉ :
MST/Số CMT :	MST/Số CMT :
Ngày cấp : Nơi cấp:	Ngày cấp : Nơi cấp:
Tại ngân hàng : MUFG chi nhánh Hồ Chí Minh	Tại ngân hàng :
Số tiền nợ : 61.138.911,00 Loại tiền: VND (bằng chữ) : Sáu mươi một triệu một trăm ba mươi tám ngàn chín trăm mười một đồng	Số tiền có : 61.138.911,00 Loại tiền: VND (bằng chữ) : Sáu mươi một triệu một trăm ba mươi tám ngàn chín trăm mười một đồng
Số tiền phí : 0,00 Loại tiền:	
Thuế VAT : 0,00 Loại tiền:	

Tỷ giá :
Nội dung : SHGD:10004102.DD:230131.BO:CHI NHANH CÔNG TY TNHH YUSEN LOGISTICS (VIET NAM) TẠI TPHCM.Remark:PAYMENT FOR AIR FREIGHT PERIOD 1 IN JAN 23 INV. 00000073

Ngân hàng gửi : NH MUFG BANK ,LTD CN HCM
Ngân hàng nhận : NH TMCP Ngoại thương Việt Nam

NGƯỜI IN

NGƯỜI DUYỆT IN

✓ BẢO CỐ NGÂN HÀNG

1. Ngành AVI

2. Ngày 31/01/23

3. Số MV074/01

4. Người nộp 0101936701-002: ...LOGISTICS (VIỆT NAM) TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
5. Họ và tên CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YUSEN LOGISTICS (VIỆT NAM) TẠI THÀNH PHỐ
6. Địa chỉ Tòa nhà Saigon Riverside Office Center, số 2A-4A, đường Tôn Đức Thắng, phường
7. Ghi chú Thu cước VCQT HĐ 00000073

8. Nhân viên
h. Tk nợ 11211401: ... - Viet Air Consol - Vietcombank

i. Loại tiền VND 1.00

Giao dịch	Tk có	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Bộ phận	Khế ước	Ngành HT	Mã xe	Job ID	Số Bill	Tờ khai
1102	13111	010193670					AVI				0

j. Hạch toán k. Hóa đơn VAT l. Chứng từ đi kèm

☐ Nội bộ (HT)
m. Kèm theo
n. Tài khoản nhận 1030624941: ...ại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam
o. Ngân hàng Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt

chứng từ gốc

VCB1030624941: ...ơng Việt Nam

Thành tiền 61,138,911
Tiền VAT 0
Tổng cộng 61,138,911

Lưu và thêm mới Lưu và quay ra Hủy bỏ ☐ In sau khi đã lưu dữ liệu

Đơn vị: Công ty TNHH Việt Air Consol
Địa chỉ: 52 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

SỐ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
(Dùng cho các TK: 136, 138, 141, 157, 161, 171, 221, 222, 242, 244, 333, 334,
335, 336, 338, 344, 352, 353, 356, 411, 421, 441, 461, 466, ...)
Tài khoản: 131 Phải thu của khách hàng
Đối tượng: Chi nhánh Công ty TNHH YUSEN LOGISTICS (Việt Nam)
Loại tiền: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
16/01	BCVV034/01	16/01	Cước VCQT Delta 01-15/01/2023	5113012	78.986.720	0	0	78.986.720
31/01	BCMV074/01	31/01	Thu cước VCQT HĐ số 0000073	11211401	0	61.138.911	0	17.847.809
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Số phát sinh trong kỳ		101.750.720	61.138.911		
			Số dư cuối kỳ					40.611.809

Ngày mở sổ: 01/01/2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2023
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Sổ chi tiết TK 131 - Chi nhánh Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam)

Địa chỉ (Address): 52 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại (Tel): 84-28-3948 6888
Mã số thuế (VAT code): **0314232322**
Số tài khoản (Account No): 1030624941 (VND) Tại Ngân hàng Vietcombank - CN Tân Bình

Ký hiệu (Serial): 1C23TBB
Số (No.): 00000073

Ma CQT (Code): 005EC7F5AF114D47639A302EE6404357C0

Loại hoá đơn (Current Unit):

Người mua hàng (Buyer)
Chữ ký số (Digital signature)

Cơ quan thuế (Tax department)
Chữ ký số (Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
Chữ ký số (Digital signature)

Signature Valid

Mã hệ CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI
 CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN
 Ký ngày: 19/01/2023 16:04:59

Signature Vals

Ngày: 19/01/2023 16:04:35

Phụ lục 6. Giao diện hạch toán và chứng từ của Thuế GTGT được khấu trừ:

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Đơn vị	Ghi chú
	Nợ	Có			
Thuế GTGT được khấu trừ	33311	1331	18.884.235	VND	
Tổng cộng			18.884.235		
Ngày 30 tháng 11 năm 2022					
Người lập phiếu			Kế toán trưởng		
(ký, họ tên)			(ký, họ tên)		

Cập nhật chứng từ tự động

Không được sửa đổi dữ liệu không thuộc kỳ hạch toán của năm làm việc hiện thời hoặc kỳ hạch toán đã khóa

Dữ liệu - Tùy chọn - Nhập liệu - Layout1

PHIẾU TỰ ĐỘNG

1. Ngành: 2. Ngày: 30/11/22 3. Số: 33

4. Đối tượng: 0314232322: CÔNG TY TNHH VIET AIR CONSOL 8. Nhân viên:

5. Họ và tên:

6. Địa chỉ:

7. Nội dung: Thuế GTGT được khấu trừ

h. Loại tiền: VND 1.00

Giao dịch	Tk nợ	Tk có	Nội dung	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Bộ phận	Ngành HT	Mã xe	Job HT	Master No	Entry No
1	1302	33311	1331	Thuế GTGT được khấu trừ 1331 - 0314232								

LỖI NHẬP LIỆU...

i. Hạch toán j. Hóa đơn VAT k. Chứng từ đi kèm l. Trừ ứng trước

m. Kèm theo chứng từ gốc

Thành tiền: 18,884,235
Tiền VAT: 0
Tổng cộng: 18,884,235

Lưu và thêm mới Lưu và quay ra Hủy bỏ In sau khi đã lưu dữ liệu

Đã tải xong 192.168.0.13,1433 - B7R2_INDOT... Công ty TNHH Viet Air Consol 2023 INTERNVAC-AR

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 33 Ngày 30 tháng 11 năm 2022

	CHỨNG TỪ		NỘI DUNG	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	Ngày	Số		Nợ	Có		
1	30/11/22	33	Thuế GTGT được khấu trừ 1331 --> 33311	33311	1331	18,884,235	
Tổng cộng:						18,884,235	

Cộng thành tiền (bằng chữ): Mười tám triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm ba mươi lăm đồng chẵn

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập phiếu Kế toán trưởng

Phụ lục 7. Giao diện hạch toán và chứng từ của khoản nợ phải thu khác_Ví dụ 1:

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Đơn vị	Ghi chú
	Nợ	Có			
ITL chuyển tiền về cho VAC	1121140 1	13882	40.000.000.000	VN D	
Tổng cộng			40.000.000.000		
Ngày 27 tháng 12 năm 2022					
Người lập phiếu			Kế toán trưởng		
(ký, họ tên)			(ký, họ tên)		

Cập nhật báo có ngân hàng

Không được sửa đổi dữ liệu không thuộc kỳ hạch toán của năm làm việc hiện thời hoặc kỳ hạch toán đã khóa

Dữ liệu

Tùy chọn

Nhập liệu

Đóng

Layout1

TRẠNG THÁI C...

Chờ duyệt

Đã duyệt, chờ hoàn thiện

Đã hoàn thiện

Đã khóa

Đã hủy

CÔNG CỤ NHẬP...

Lấy hóa đơn thu tiền ngay

Xem số dư tài khoản

LỖI NHẬP LIỆU...

BÁO CÓ NGÂN HÀNG

1. Ngành

AVI: ...ng

2. Ngày

27/12/22

3. Số

VV066/12

4. Người nộp

0301909173: ... TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN IN DO TRẦN

5. Họ và tên

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN IN DO TRẦN

6. Địa chỉ

52-54-56 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

7. Ghi chú

ITL VP chuyển tiền về VAC

8. Nhân viên

h. Tk nợ

11211401: ... - Viet Air Consol - Vietcombank

i. Loại tiền

VND

1.00

Giao dịch	Tk có	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Bộ phận	Khế ước	Ngành HT	Mã xe	Job ID	Số Bill	Tờ khai	Tài sản	Tiền VND	Giá trị còn lại
1	1102	13882	0301909				AVI				0		1,000,000,000	10,000,000

j. Hạch toán

k. Hóa đơn VAT

l. Chứng từ đi kèm

Nội bộ (HT)

m. Kèm theo

n. Tài khoản nhận

0371000458184: ...ng Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam

o. Ngân hàng

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam

chứng từ gốc

VCB0371000458184: ...

Thành tiền

40,000,000,00

Tiền VAT

0

Tổng cộng

40,000,000,00

Lưu và thêm mới

Lưu và quay ra

Hủy bỏ

In sau khi đã lưu dữ liệu

Đã tải xong

192.168.0.13,1433 - B7R2_INDOT...

Công ty TNHH Viet Air Consol

2023

INTERNVAC-AR

BẢO CỐ TIỀN GỬI

Ngày 27 tháng 12 năm 2022

Số: VV066/12
Nợ: 11211401 10.000.000.000
Có: 13882 10.000.000.000

Họ tên người nộp tiền: CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN IN

Địa chỉ: 52-54-56 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí

Lý do: ITL VP chuyển tiền về VAC

Số tiền: 10.000.000.000 VND (Viết bằng chữ): Bốn mươi tỷ đồng chẵn

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Hồ Thị Thanh Nguyên

Phụ lục 8: Giao diện hạch toán và chứng từ của khoản Phải thu khác

Ví dụ 2:

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Đơn vị	Ghi chú
	Nợ	Có			
Hoàn tiền nộp phạt Hải quan	11211401	13882	7.500.000	VND	
Tổng cộng			7.500.000		
Ngày 27 tháng 01 năm 2023					
Người lập phiếu	Kế toán trưởng				
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)				



NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN
CHI NHÁNH TRỤ SỞ CHÍNH
Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
MST NH: 0100712437

GIẤY BẢO NỢ/CÓ

(Không phải hóa đơn GTGT)
Ngày (Date): 27/01/2023
(Liên 1: lưu, Liên 2: KH)
Số Chứng Từ - Doc No: 270123.5009.047458

Người ra lệnh

Họ tên : MALAYSIA AIRLINES BERHAD
Số TK : OUT0302551014
Địa chỉ :

MST/Số CMT :
Ngày cấp :
Nơi cấp :
Tại ngân hàng : NH Citibank N.A., TP HCM (HO)

Số tiền nợ : 7.500.000,00 Loại tiền: VND
(bằng chữ) : Bảy triệu năm trăm ngàn đồng

Số tiền phí : 0,00 Loại tiền:
Thuế VAT : 0,00 Loại tiền:

Người hưởng

Họ tên : CT TNHH VIET AIR CONSOL
Số TK : 0001030624941
Địa chỉ :

MST/Số CMT :
Ngày cấp :
Nơi cấp :
Tại ngân hàng :

Số tiền có : 7.500.000,00 Loại tiền: VND
(bằng chữ) : Bảy triệu năm trăm ngàn đồng

Tỷ giá :
Nội dung : SHGD:10006962.DD:230127.BO:MALAYSIA AIRLINES BERHAD.Remark[3583037561] VIETCOMBANK VN HCM
QD123/14122022

Ngân hàng gửi : CITI BANK HCM
Ngân hàng nhận : NH TMCP Ngoại thương Viet Nam

NGƯỜI IN

NGƯỜI DIỆT IN

Cập nhật báo có ngân hàng

Không được sửa đổi dữ liệu không thuộc kỳ hạch toán của năm làm việc hiện thời hoặc kỳ hạch toán đã khóa

Dữ liệuTùy chọnNhập liệuĐóngLayout1

TRẠNG THÁI C...

Chờ duyệt

Đã duyệt, chờ hoàn thiện

Đã hoàn thiện

Đã khóa

Đã hủy

CÔNG CỤ NHẬP...

Lấy hóa đơn thu tiền ngay

Xem số dư tài khoản

LỖI NHẬP LIỆU...

BÁO CÓ NGÂN HÀNG

1. Ngân hàngAVI: ...ng2. Ngày27/01/233. SốMV062/01

4. Người nộp0301485559: ...HÀNG KHÔNG MALAYSIA AIRLINES BERHAD TẠI TP.HCM

5. Họ và tênVĂN PHÒNG BÁN VÉ HÀNG HÀNG KHÔNG MALAYSIA AIRLINES BERHAD T

6. Địa chỉLầu 4, Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP.HCM

7. Ghi chúHoàn lại tiền nộp phạt Hải quan (cước MH)

8. Nhân viên

h. Tk nợ11211401: ...- Viet Air Consol - Vietcombank

i. Loại tiềnVND1.00

Giao dịch	Tk có	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Bộ phận	Khế ước	Ngành HT	Mã xe	Job ID	Số Bill	Tờ khai	Tải sản	Tiền VND	Giá trị còn lại
1102	13882	0301485					AVI				0		7,500,000	7,500,000
*														

j. Hạch toánk. Hóa đơn VATl. Chứng từ đi kèm

Nội bộ (HT)

m. Kèm theo

n. Tài khoản nhận1030624941: ...hương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam

o. Ngân hàngNgân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam

chứng từ gốc

VCB1030624941: ...Nam

Thành tiền7,500,000

Tiền VAT0

Tổng cộng7,500,000

Lưu và thêm mới

Lưu và quay ra

Hủy bỏ

☐ In sau khi đã lưu dữ liệu

Đã tải xong192.168.0.13,1433 - B7R2_INDOT...Công ty TNHH Viet Air Consol | 2023 | INTERNVAC-AR

BÁO CÓ TIỀN GỬI

Ngày 27 tháng 01 năm 2023

Số: MV062/01

Nợ: 112114017.500.000

Có: 138827.500.000

Họ tên người nộp tiền: VĂN PHÒNG BÁN VÉ HÀNG HÀNG KHÔNG

Địa chỉ: Lầu 4, Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, phường Võ Thị Sáu, quận 3.

Lý do: Hoàn lại tiền nộp phạt Hải quan (cước MH)

Số tiền: 7.500.000 VND (Viết bằng chữ): Bảy triệu năm trăm ngàn đồng chẵn

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Hồ Thị Thanh Nguyên

Phụ lục 9: Giao diện hạch toán và chứng từ của khoản Phải thu khác

Ví dụ 3

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Đơn vị	Ghi chú
	Nợ	Có			
Chi hộ hãng MH – phí soi chiếu MH HAN	13882	3311	447,687	VND	
Tổng cộng			447,687		
Ngày 31 tháng 12 năm 2022					
Người lập phiếu			Kế toán trưởng		
(ký, họ tên)			(ký, họ tên)		

Cập nhật bút toán bù trừ

Không được sửa đổi dữ liệu không thuộc kỳ hạch toán của năm làm việc hiện thời hoặc kỳ hạch toán đã khóa

Dữ liệu - Tùy chọn - Nhập liệu - Đóng

Layout1

TRẠNG THÁI C...

Chờ duyệt

Đã duyệt chờ hoàn thiện

Đã hoàn thiện

Đã khóa

Đã hủy

CÔNG CỤ NHẬP...

Xem số dư tài khoản

Chọn bên nợ (TT)

Chọn bên Có (TT)

Hạch toán cần trừ

Hạch toán cần trừ (Có)

Hạch toán cần trừ (Nợ)

Hạch toán cần trừ chi tiết (Có)

LỖI NHẬP LIỆU...

BÙ TRỪ CÔNG NỢ

1. Ngành AVI 2. Ngày 31/12/22 3. Số BT006/12

4. Họ và tên Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài - CN Tổng công ty Cảng HK Việt Nam

5. Địa chỉ Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn - TP Hà Nội

6. Nội dung HT chỉ hộ Hãng MH - phí soi chiếu MH HAN T12.2022

7. Loại tiền thanh toán VND 1.00

Chọn thanh toán

Giao dịch	Ghi nợ	Ghi có	Tiền VND	Nội dung	Ngành HT	Job HT	Master No	Entry No	Tài sản	Nợ
1304	13882	030148555 3311	031163852	447,687	HT chỉ hộ Hãng MH - phí soi chiếu					

g. Hạch toán h. Hóa đơn VAT i. Chi tiết nợ j. Chi tiết có

k. Kèm theo chứng từ gốc

Thành tiền 447,687

Tiền VAT

Tổng cộng 447,687

Lưu và thêm mới Lưu và quay ra Hủy bỏ

☐ In sau khi đã lưu dữ liệu

Đã tải xong

192.168.0.13,1433 - B7R2_INDOT...

Công ty TNHH Viet Air Consol

2023

INTERNVAC-AR

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: BT006/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỨNG TỪ		NỘI DUNG	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Ngày	Số		Nợ	Có		
31/12/22	BT006/12	HT chi hệ Hàng MH - phí soi chiếu MH HAN T12.2022	13882	3311	447,687	
Tổng cộng:					447,687	

Cộng thành tiền (bằng chữ): Bốn trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng chẵn

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

BẢO CỐ TIỀN GỬI

Ngày 17 tháng 01 năm 2022

Số: VV079/01

Nợ: 11211401

Có: 13882

2.337.000

2.337.000

Họ tên người nộp tiền: BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ THU CÚC - CN CÔNG

Địa chỉ: Số 286 Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

Lý do: Thu lại khoản TT chi phí xét nghiệm covid cho CBNV của VAC HAN do sai TK đơn vị hưởng

Số tiền: 2.337.000 VND (Viết bằng chữ): Hai triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn đồng chẵn

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Hồ Thị Thanh Nguyên

Cập nhật báo có ngân hàng

Không được sửa đổi dữ liệu không thuộc kỳ hạch toán của năm làm việc hiện thời hoặc kỳ hạch toán đã khóa

Dữ liệu - Tùy chọn - Nhập liệu - Đóng

Layout1

BẢO CỐ NGÂN HÀNG

1. Ngân hàng: AVI: ...ng 2. Ngày: 17/01/22 3. Số: VV079/01

4. Người nộp: 0102624215-001: ...úc - CN Công ty cổ phần Y khoa & thẩm mỹ Thu Cúc 8. Nhân viên: 5. Họ và tên: Bệnh viện đa khoa Quốc tế Thu Cúc - CN Công ty cổ phần Y khoa & thẩm mỹ h. Tk nợ: 11211401: ...- Viet Air Consol - Vietcombank 6. Địa chỉ: Số 286 Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội 7. Ghi chú: Thu lại khoản TT chi phí xét nghiệm covid cho CBNV của VAC HAN do sai TK đơn vị hưởng i. Loại tiền: VND 1.00

	Giao dịch	Tk có	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Bộ phận	Kế ước	Ngành HT	Mã xe	Job ID	Số Bill	Tờ khai	Tài sản	Tiền VND	Giá trị còn lại
1	1102	13882	0102624					AVI						2,337,000	2,337,000

* LỖI NHẬP LIỆU...

j. Hạch toán k. Hóa đơn VAT l. Chứng từ đi kèm

☐ Nội bộ (HT) Thành tiền: 2,337,000

m. Kèm theo chứng từ gốc Tiền VAT: 0

n. Tài khoản nhận: 0371000458184: ...ng Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam VCB0371000458184: ... Tổng cộng: 2,337,000

o. Ngân hàng: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam

Lưu và thêm mới Lưu và quay ra Hủy bỏ ☐ In sau khi đã lưu dữ liệu

Đã tải xong 192.168.0.13,1433 - B7R2_INDOT... Công ty TNHH Viet Air Consol 2023 INTERNVAC-AR